BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN CHỈNH HÌNH VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 015 TB-BVCHPHCNTPHCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm Vật tư y tế phục vụ phẫu thuật năm 2026 của Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung sau:

I. Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh, 1A Lý Thường Kiệt, P. Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
   DS. Huỳnh Nữ Trà My (ĐT: 0912.253.427);
   E-mail: tothau.kdtn@gmail.com
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
   - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – TTBYT Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi Chức năng Thành phố hồ Chí Minh, số 1A Lý Thường Kiệt, P. Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh.
   - Nhận qua e-mail: tothau.kdtn@gmail.com
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày tháng năm 2026 đến tháng năm 2026
   Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 180 ngày** kể từ ngày tháng năm 2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá

Danh mục VTYT yêu cầu báo giá gồm 04 nhóm:

1. Vật tư thay thế.
2. Vật tư phục vụ phẫu thuật Cột sống.
3. Vật tư phục vụ Nội soi khớp.
4. Vật tư phục vụ phẫu thuật thay khớp.

Chi tiết kỹ thuật trong phụ lục đính kèm.

Cách thức báo giá:

- Bảng chào giá (theo mẫu PL2 đính kèm). Gửi kèm file mềm vào email (bắt buộc).
- Gửi bản giấy có ký xác nhận và đóng dấu trực tiếp hoặc qua đường bưu điện theo địa chỉ tại mục 3, phần I.

Trân trọng kính báo./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT, KD

Q. GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ
BỆNH VIỆN CHỈNH HÌNH VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. BS. Ngô Anh Tuấn

PHỤ LỤC 1:
YÊU CẦU CHI TIẾT VỀ KỸ THUẬT
(Kèm Thông báo số 045/TB-BVCHPHCNTPHCM ngày 10 tháng 02 năm 2026)

DANH MỤC VẬT TƯ THAY THẾ

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc sự việc hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
1	Nẹp chữ L, chất liệu thép không gỉ	Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Nẹp 3 lỗ đầu, nghiêng 120 độ, 3/4/5 lỗ thân tương ứng chiều dài 52/63/74mm, dày 1.5mm, rộng 10mm, khoảng cách giữa các lỗ 14mm, sử dụng kết hợp vít xương cứng 3.5mm hoặc vít xốp 4.0mm. Nẹp phân biệt trái/ phải	Cái/ gói	Cái	6
2	Nẹp chữ T nhỏ, nghiêng 3 lỗ đầu, thép không gỉ	Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Nẹp 3 lỗ đầu, nghiêng 120 độ, 3/4/5 lỗ thân tương ứng chiều dài 52/63/74mm, dày 1.5mm, rộng 10mm, khoảng cách giữa các lỗ 14mm, sử dụng kết hợp vít xương cứng 3.5mm hoặc vít xốp 4.0mm. Nẹp phân biệt trái/ phải	Cái/ gói	Cái	3
3	Đinh Kirschner có ren đường kính 0.8/1.0/1.5/2.0/2.5mm	Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Có ren, đường kính 0.8/ 1.0/ 1.5/2.0/ 2.5mm, dài 150/ 225mm, chiều dài ren 18/20mm	10 Cái/ gói	Cái	50
4	Bộ nẹp khóa mini chữ T 1.5, chất liệu Titanium	Chất liệu titanium. Gồm: 1 nẹp + 5 vít khóa 1.5mm + 1 vít xương cứng 1.5mm 1/ Nẹp chữ T có 3/4 lỗ đầu, dày 1mm, rộng 14.3mm, thân nẹp dày 1mm, rộng 4.3mm, có 8 lỗ thân dài 45.8mm, khoảng cách lỗ 5mm 2/ Vít khóa 1.5mm: đường kính thân vít 1.5mm, dài 6-24mm với bước tăng 2mm, đường kính lõi vít 1.1mm, bước ren 0.5mm, đầu vít hình sao, đường kính đầu vít 2.75mm, sử dụng mũi khoan 1.1mm, tự taro. 3/ Vít xương cứng 1.5mm: đường kính thân vít 1.5mm, dài 6-24mm với bước tăng 2mm, đường kính lõi vít 1.1mm, bước ren 0.5mm, đầu vít hình sao, đường kính đầu vít 3.3mm, sử dụng mũi khoan 1.1mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE		Bộ	6
5	Nẹp khóa mini 2.0, chất liệu Titanium	Chất liệu titanium, gồm 01 nẹp + 06 vít khóa 2.0 + 01 vít xương cứng 2.0mm Nẹp sử dụng vít 2.0mm Lỗ đầu: 2 lỗ đầu Thân 3/4/5 lỗ, dày 1.1mm, rộng 5mm, dài 25.3-38.8mm. Lỗ đầu: 3 lỗ đầu Thân 3-9 lỗ, dày 1.1mm, rộng 5mm, dài 25.9-66.5mm Vít khóa 2.0, dài 6-30mm Vít xương cứng 2.0, dài 6-24mm Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485, CE	Cái/Gói	Bộ	10
6	Vít xốp rỗng nòng có nhỏ dùng cho xương xốp	Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485, CE Chất liệu titanium Vít xốp rỗng đường kính 3.5mm, dài 10-55mm Vít xốp rỗng đường kính 4.5mm, dài 25-70mm	Cái/Gói	Cái	20
7	Vít xốp rỗng có xương đui kèm lưng đen, đường kính 7.3mm	Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485, CE Chất liệu titanium Vít xốp rỗng đường kính 7.3mm, dài 50-110mm	Cái/Gói	Cái	30

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
8	Đinh nội tủy xương đùi rỗng nòng thế hệ II, chất liệu Titanium Alloy	- Chất liệu titanium. Bộ đinh nội tủy rỗng nòng xương đùi gồm: 1 đinh + 2 vít cố xương đùi 7.0mm + 2 vít chốt 5.0mm. + Đường kính thân 9.4mm tương thích chiều dài 320-400mm; + Đường kính thân 10/11mm tương thích chiều dài 340-420mm; + Đường kính đầu đinh 13.5mm, hướng vít 135 độ sử dụng vít cố đường kính 7.0mm, dài 65-110mm, bước tăng 5mm, đường kính lõi vít 4.8mm, bước ren 2.75mm, đường kính đầu vít 8mm, sử dụng mũi khoan 5.2mm; + Thân sử dụng vít chốt đường kính 5.0mm, dài 25-85mm, bước tăng 5mm, đường kính lõi vít 4.2mm, bước ren 1.25mm, đường kính đầu vít 8mm, sử dụng mũi khoan 4.2mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485, CE	Cái/Gói	Bộ	60
9	Đinh nội tủy xương chày rỗng nòng, chất liệu Titanium Alloy	- Chất liệu titanium. Bộ đinh nội tủy rỗng nòng cho xương chày gồm: 1 đinh + 3 vít chốt 4.5 + 2 vít chốt 5.0mm. + Đường kính thân 8.4mm tương thích chiều dài 260-320mm; + Đường kính thân 9mm tương thích chiều dài 260-360mm; + Đường kính thân 10/11mm tương thích chiều dài 260-380mm; + Đường kính đầu đinh 12mm, nghiêng góc 10 độ dài 47mm. + Sử dụng vít chốt đường kính 4.5mm, dài 25-65mm, bước tăng 5mm, đường kính lõi vít 4mm, bước ren 1.25mm, đường kính đầu vít 8mm, sử dụng mũi khoan 4.0mm và vít chốt đường kính 5.0mm, dài 25-85mm, bước tăng 5mm đường kính lõi vít 4.2mm, bước ren 1.25mm, đường kính đầu vít 8mm, sử dụng mũi khoan 4.2mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485, CE	Cái/Gói	Bộ	120
12	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi mặt ngoài Curwell các cỡ	Chất liệu Titanium, TC4 (đạt chuẩn GB/T 13810-2017) Độ bền kéo của vật liệu : ≥550 Rm/Mpa, khả năng chịu tải : ≥450 Rp0.2/MPa, độ dẻo : ≥20 Đinh rỗng, dùng vít lag screw/ hoặc lưỡi dĩa helical blade nén ép có xương thứ. Kích thước: Đinh ngắn : Ø9,10,11,12,13mm, L 170, 200, 240mm Đinh dài : Ø9,10,11mm, L360, 400, 420mm Vít Lag screw : Ø10.4, L 70 --> 120mm Lưỡi Helical Blade : Ø10.4, L 75 --> 120mm Locking screw : Ø4.9, L 20 --> 80mm End cap : 1, 5, 10, 15mm Bộ gồm : Đinh + Vít lag screw/ Lưỡi Helical Blade + Vít khóa + Nắp Tiệt trùng Tiêu chuẩn: CE, ISO, FDA		Bộ	10
14	Bộ nẹp khóa mỏm khuỷu Curwell các cỡ	Chất liệu : Titanium TA3G (đạt chuẩn GB/T 13810-2017) Độ bền kéo của vật liệu : ≥550 Rm/Mpa, khả năng chịu tải : ≥450 Rp0.2/MPa, độ dẻo : ≥20 Nẹp khoá mỏm khuỷu, sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm Kích thước : nẹp dài 2/4/6/8/10/12 lỗ, tương ứng chiều dài 86/112/138/163/190/216mm, trái/ phải Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.5mm, thân nẹp dày 2.5mm Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 15mm, thân nẹp rộng 11mm Đóng gói tiệt trùng sẵn. Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA Bộ gồm: 1 nẹp + 9 vít các loại		Bộ	5
15	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương mác Curwell các cỡ	Chất liệu : Titanium TA3G (đạt chuẩn GB/T 13810-2017) Độ bền kéo của vật liệu : ≥550 Rm/Mpa, khả năng chịu tải : ≥450 Rp0.2/MPa, độ dẻo : ≥20 Nẹp khoá LCP đầu dưới xương mác, sử dụng vít khoá 2.4mm/ 2.7mm/ 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm - Loại đầu dưới xương mác mặt ngoài Kích thước : nẹp dài 3/4/5/6/7 lỗ, tương ứng chiều dài 72/86/99/112/125mm, trái/ phải. Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.5mm, thân nẹp dày 2.2mm Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 14mm, thân nẹp rộng 9.5mm Đóng gói tiệt trùng sẵn Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA Bộ gồm: 1 nẹp + 7 vít các loại		Bộ	20

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
16	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài Canwell các cỡ	Chất liệu : Titanium TA3G (đạt chuẩn GB/T 13810-2017) Độ bền kéo của vật liệu : ≥530 Rm/Mpa, khả năng chịu tải : ≥450 Rp0.2/MPa, độ dẻo : ≥20 Nẹp khoá LCP đầu trên xương chày mặt ngoài, sử dụng vít khoá 5.0mm, tự khoan, tự taro, vít xương cứng 4.5mm - Loại đầu trên xương chày mặt ngoài - proximal tibial locking plate +Kích thước : đầu nẹp 5 lỗ, thân nẹp dài 3/5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng chiều dài 105/145/185/225/265/305mm, trái/ phải +Nẹp dày : đầu nẹp dày 5mm, thân nẹp dày 4.8mm +Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 29.2mm, thân nẹp rộng 15.5mm - Loại đầu trên xương chày mặt ngoài mở ít xâm lấn LISS - proximal lateral Tibial LISS Plate +Kích thước : nẹp dài 5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng chiều dài 141/181/221/261/301mm, trái/ phải +Nẹp dày : đầu nẹp dày 5mm, thân nẹp dày 4.8mm +Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 21.5mm, thân nẹp dày 16mm Đóng gói tiệt trùng sẵn Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA Bộ gồm: 01 nẹp + 8 vít các loại		Bộ	15
17	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài Canwell các cỡ	Chất liệu : Titanium - Bộ gồm: 1 nẹp + 10 vít khóa đường kính 5.0mm + 2 vít xương cứng đường kính 4.5mm. - Nẹp khoá LCP đầu trên xương chày mặt ngoài, sử dụng vít khoá 5.0mm, dài: 14-100mm, vít xương cứng 4.5mm, dài 16-90mm - Loại đầu trên xương chày mặt ngoài. Kích thước : đầu nẹp 5 lỗ, thân nẹp dài 3-13 lỗ, tương ứng chiều dài 105-305mm, trái/ phải - Nẹp dày 3- 4.8mm, Rộng 15.5-39.2mm. - Loại đầu trên xương chày mặt ngoài mở ít xâm lấn LISS Kích thước : nẹp dài 5-13 lỗ, tương ứng chiều dài 141-301mm, trái/ phải - Nẹp dày 3-4.8mm, rộng 16- 21.5mm - Tương thích hệ thống vít khoá và trợ cụ Canwell Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA	Bộ/ Gói	Bộ	25
18	Bộ nẹp khóa mắc xích Canwell các cỡ	Chất liệu: Titanium Bộ gồm: 1 nẹp + 8 vít khóa 3.5mm + 2 vít xương cứng 3.5mm Nẹp khoá LCP mắc xích, sử dụng vít khoá 3.5mm, dài 10-90mm; vít xương cứng 3.5mm, dài 12-50mm Kích thước : dài 4-22 lỗ, tương ứng chiều dài 56-308mm Nẹp dày 2.2mm, rộng 10.5mm Tương thích hệ thống vít khoá và trợ cụ canwell Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA	Bộ/ Gói	Bộ	20
19	Đinh đầu trên xương đùi Canwell các cỡ	Đinh rỗng, chất liệu Titanium, dùng vít chốt khoá nén ép cố xương đùi. Kích thước: Đinh ngắn: Ø 9.0-13mm, L 170-240mm Đinh dài: Ø 9.0-13mm, L 320-440mm Vít: Ø 10.0-11.0, L 70 --> 120mm Lưỡi đồng: Ø 10.0-11.0, L 70 --> 120mm Vít chốt khóa : Ø 4.9-5.5, L 20 --> 85mm Nắp: L 5-15mm Bộ gồm: Đinh + Vít / Lưỡi đồng + Vít khóa + Nắp Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Bộ/ Gói	Bộ	10
20	Vít rỗng đầu chìm Canwell các cỡ	Chất liệu: Titanium, lòng vít rỗng, vít thuôn nhọn, có chân răng nén ép xương, đầu vít chìm - Vít 2.5mm: dài 8-14mm (tăng 1mm), dài 14-30mm (tăng 2mm) - Vít 3.0mm: dài 10-14mm (tăng 1mm), dài 14-30mm (tăng 2mm) - Vít 3.5mm: dài 16-30mm (tăng 2mm) - Vít 4.0mm: dài 16-34mm (tăng 2mm) - Vít 4.5mm: dài 20-30mm (tăng 2mm), dài 30-50mm (tăng 5mm) - Vít 5.0mm: dài 25-60mm (tăng 5mm) - Vít 6.5mm: dài 40-120mm (tăng 5mm) Tương thích hệ thống trợ cụ Canwell Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	Cái/ Gói	Cái	10
21	Xương nhân tạo Exabone HA/TCP, dạng hạt *Granules*	Chất liệu 60%HA + 40% TCP, macroporosity : 200-800 µm, microporosity 1.0-10 µm, porosity: 81%, độ vững chắc 5.5-7.5 MPa, tiệt trùng bằng Gamma 25-35 kGy đạt chuẩn CE, dung tích 10cc	Hộp/ Gói	Hộp	20

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương với các yêu cầu)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
26	Nẹp DCP hẹn hợp (vừa) - Chất thép	- Sử dụng vít xương cứng 4.5mm, vít xương xốp 6.5mm - Độ dày 4.0mm, độ rộng 12.0mm - Nẹp có từ 2 - 10/12/14/16/18/20 lỗ tương ứng các chiều dài từ 79.0 - 167.0/199.0/231.0/263.0/295.0/327.0mm - Chất liệu thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	1 cái/ túi	Cái	5
27	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay Canwell các cỡ	Chất liệu Titanium Nẹp khoá LC-LCP đầu trên xương cánh tay, sử dụng vít khoá 3.5mm,vít xương cứng 3.5mm - Loại đầu trên xương cánh tay thể hệ I Kích thước : đầu nẹp 9 lỗ, thân nẹp 3-13 lỗ, tương ứng chiều dài 90-222mm - Loại đầu trên xương cánh tay thể hệ II Kích thước : đầu nẹp 9 lỗ, 3-13 lỗ, tương ứng chiều dài 110-290mm Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.0mm, thân nẹp dày 4.2mm Nẹp rộng 12.5-22.85mm, rộng 12.5mm Tương thích hệ thống vít khoá và ốc vít canwell Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA	Bộ/ Gói	Bộ	20
28	Nẹp khóa DCP hẹn hợp (vừa) - Chất titanium	- Lỗ vít kết hợp dùng vít khóa 5.0mm, vít xương cứng 4.5mm - Sử dụng vít đường kính 5.0/4.5mm - Độ dày 4.0mm, độ rộng 13.0mm - Nẹp có từ 2 - 17 lỗ tương ứng các chiều dài từ 84.0 - 314.0mm - Chất liệu titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	1 cái/ túi	Cái	10
29	Nẹp khóa DCP hẹn nhỏ - Chất titanium	- Lỗ vít kết hợp dùng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm - Sử dụng vít đường kính 3.5mm - Độ dày 3.0mm, độ rộng 11.0mm - Nẹp có từ 3 - 16 lỗ tương ứng với các chiều dài từ 39.0 - 208.0mm - Chất liệu titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde	1 cái/ túi	Cái	20
31	Nẹp khóa DCP hẹn rộng - Chất titanium	- Lỗ vít kết hợp dùng vít khóa 5.0mm, vít xương cứng 4.5mm - Sử dụng vít đường kính 5.0/4.5mm - Độ dày 5.5mm, độ rộng 15.0mm - Nẹp có từ 4 - 18 lỗ tương ứng các chiều dài từ 88.0 - 312.0mm - Chất liệu titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	1 cái/ túi	Cái	5
32	Bộ nẹp hẹn nhỏ nén ép titanium	Chất liệu titanium Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Bao gồm: 1/ Nẹp hẹn nhỏ nén ép: Nẹp 2/3/4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ tương ứng chiều dài 25/37/49/61/73/85/97/109/121/133/145mm ; khoảng cách giữa các lỗ 12mm, dày 2.5mm, rộng 10mm. Lỗ nẹp nén ép hỗ trợ bắt vít nghiêng 25 độ theo chiều dọc và 7 độ theo chiều ngang. 2/ Vít xương cứng đường kính 3.5mm, dài 12-110mm, đường kính đầu 6.0mm, đường kính lõi 2.4mm Có tơ cụ hỗ trợ	Cái/ gói	Bộ	15
33	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày Canwell các cỡ	Chất liệu : Titanium TA3G (đạt chuẩn GB/T 13810-2017) Độ bền kéo của vật liệu : ≥550 Rm/Mpa, khả năng chịu tải : ≥450 Rp0.2/MPa, độ dẻo : ≥20 Nẹp khoá LCP đầu dưới xương chày, sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm - Loại đầu dưới xương chày mặt trong Kích thước : nẹp dài 4/6/8/10/12/14 lỗ, tương ứng chiều dài 109/135/161/187/213/239mm, trái/ phải. Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.2mm, thân nẹp dày 4.2mm Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 20.5mm, thân nẹp rộng 11.5mm - Loại đầu dưới xương chày mặt ngoài trước bên Kích thước : đầu nẹp 4 lỗ, thân nẹp 5/7/9/11/13/15/17/19/21 lỗ, tương ứng chiều dài 80/106/132/158/184/210/236/262/288mm, trái/phải. Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.1mm, thân nẹp dày 3.6mm Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 41.5mm, thân nẹp rộng 13.5mm Đóng gói tiệt trùng sẵn Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA Bộ gồm: 01 nẹp + 8 vít các loại		Bộ	6

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Danh mục (thông số kỹ thuật hoặc tương đương với các nội dung)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
34	Bộ nẹp khóa DHS titanium	Chất liệu titanium Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Bao gồm: 1/ Nẹp DHS: Góc 125-150 độ Nẹp có 4/5/6/7/8/9/10/12/14 lỗ tương ứng chiều dài 98/114/132/150/168/186/204/222/240mm, lỗ tiếp xúc, lỗ kết hợp dùng với khóa 5.0mm và vít vương cùng 4.5mm 2/ Vít DHS đường kính 12.5mm dài 50-145mm, bước tăng 5mm, rãnh hợp vít nén đk 4.0mm dài 36mm 3/ Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 20-100mm, đường kính mũ vít 6.7mm, đường kính lõi 4.4mm. Sử dụng mũi khoan 4.2mm 4/ Vít vương cùng đường kính 4.5mm, tự taro, dài 12-110mm, bước tăng 2mm, đường kính mũ vít 8.0mm, đường kính lõi 3.0. Sử dụng mũi khoan 3.2mm Có tơ cụ hỗ trợ	Cái/ gói	Bộ	15
35	Đinh Kirschner đường kính 1.0/1.5/2.0/2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0mm	Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Đinh không ren, hai đầu nhọn, đường kính 1.0/ 1.5/ 2.0/ 2.5/ 3.0/ 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0mm dài 150-300mm.	10 Cái/ gói	Cái	150
36	Đinh Kirschner đường kính 1.0/1.5/2.0/2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0mm	Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Đinh không ren, hai đầu nhọn, đường kính 1.0/ 1.5/ 2.0/ 2.5/ 3.0/ 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0mm dài 150-300mm.	10 Cái/ gói	Cái	150
37	Vít khóa vương 5.0mm ren toàn phần chất liệu titanium	- Sử dụng mũi khoan đường kính: 3.5mm - Ren toàn phần, tự taro - Mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 6.5mm - Đường kính lõi vít 4.0mm - Đường kính ren vít 5.0mm - Dài từ 14 - 50mm với bước tăng 2mm, dài từ 50 - 120mm với bước tăng 5mm - Chất liệu titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	10 Cái/ túi	Cái	64
38	Vít vương cùng 4.5mm đường kính ren 1.75 chất liệu titanium	- Sử dụng mũi khoan đường kính: 3.5mm - Ren toàn phần, tự taro - Mũ vít hình lục giác - Bước ren 1.75mm - Đường kính mũ vít 8.0mm - Đường kính lõi vít 4.0mm - Đường kính ren vít 4.5mm - Dài từ 14 - 50mm với bước tăng 2mm, dài từ 50 - 120mm với bước tăng 5mm - Chất liệu titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	10 Cái/ túi	Cái	85
39	Vít khóa cùng 2.5mm tự taro chất liệu titanium	- Sử dụng mũi khoan đường kính: 2.5mm - Ren toàn phần, tự taro - Mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 5.0mm - Đường kính lõi vít 3.0mm - Đường kính ren vít 3.5mm - Dài từ 10 - 50mm với bước tăng 2mm, dài từ 50 - 100mm với bước tăng 5mm - Chất liệu titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde	10 Cái/ túi	Cái	218

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc cao hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
40	Vít xương cứng 2.5mm bước ren 1.75 chất liệu titanium	- Sử dụng mũi khoan đường kính: 2.5mm - Ren toàn phần, tự taro - Mũ vít hình lục giác - Bước ren 1.75mm - Đường kính mũ vít 6.0mm - Đường kính lõi vít 2.4mm - Đường kính ren vít 3.5mm - Dài từ 10 - 50mm với bước tăng 2mm, dài từ 50 - 100mm với bước tăng 5mm - Chất liệu titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde	Hộp/ Các loại	Cái	50
41	Bộ nẹp lòng máng, titanium	Chất liệu titanium Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Bao gồm: 1/ Nẹp lòng máng: Nẹp 2/3/4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ, dài 25/37/49/61/73/85/97/109/121/133/145mm, dầy 1mm, rộng 9mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, khoảng cách lỗ trung tâm 16mm, sử dụng kết hợp vít xương cứng 3.5mm hoặc vít xốp 4.0mm 2/Vít xương cứng đường kính 3.5mm, dài 10-110mm, đường kính đầu 6.0mm, đường kính lõi 2.4mm Có tư cụ hỗ trợ	Cái/ gói	Bộ	15
42	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay Canwell các cỡ	Chất liệu Titanium Bộ gồm 1 nẹp + 7 vít Nẹp khoá đầu dưới xương cánh tay, sử dụng vít khoá 2.4, dài 8-30mm/ vít khóa 2.7, dài 8-60mm/ vít khóa 3.5mm, dài 10-90mm; vít xương cứng 3.5mm, dài 12-50mm, vít xốp 4.0mm - Loại mặt bên lưng lồi cầu tay Kích thước : 3-14 lỗ, tương ứng chiều dài 65-208mm, trái/ phải Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.5mm, thân nẹp dày 2.5mm Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 23.1mm, thân nẹp rộng 12mm - Loại mặt trong lồi cầu tay Kích thước : dài 3-14 lỗ, tương ứng chiều dài 59-201mm, trái/ phải Nẹp dày : đầu nẹp dày 3.5mm, thân nẹp dày 3.5mm Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 11mm, thân nẹp rộng 11mm - Loại giữa hành xương lồi cầu tay Kích thước : 3-15 lỗ, tương ứng chiều dài 80-184mm Nẹp dày : đầu nẹp dày 1.4mm, thân nẹp dày 3.2mm Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 11mm, thân nẹp rộng 11.5mm - Tương thích hệ thống vít khoá và tư cụ Canwell - Đóng gói tiệt trùng sẵn Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA	Bộ/ Các	Bộ	15
43	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay Canwell các cỡ	Chất liệu Titanium Bộ gồm 1 nẹp + 7 vít Nẹp khoá đầu dưới xương cánh tay, sử dụng vít khoá 2.4, dài 8-30mm/ vít khóa 2.7, dài 8-60mm/ vít khóa 3.5mm, dài 10-90mm; vít xương cứng 3.5mm, dài 12-50mm, vít xốp 4.0mm - Loại mặt bên lưng lồi cầu tay Kích thước : 3-14 lỗ, tương ứng chiều dài 65-208mm, trái/ phải Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.5mm, thân nẹp dày 2.5mm Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 23.1mm, thân nẹp rộng 12mm - Loại mặt trong lồi cầu tay Kích thước : dài 3-14 lỗ, tương ứng chiều dài 59-201mm, trái/ phải Nẹp dày : đầu nẹp dày 3.5mm, thân nẹp dày 3.5mm Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 11mm, thân nẹp rộng 11mm - Loại giữa hành xương lồi cầu tay Kích thước : 3-15 lỗ, tương ứng chiều dài 80-184mm Nẹp dày : đầu nẹp dày 1.4mm, thân nẹp dày 3.2mm Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 11mm, thân nẹp rộng 11.5mm - Tương thích hệ thống vít khoá và tư cụ Canwell - Đóng gói tiệt trùng sẵn Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA	Bộ/ Các	Bộ	15

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng (không số kỹ thuật) (hoặc tương đương hoặc sự việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
44	Bộ nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay mặt sóng chữ T; chất liệu Titanium	Chất liệu: Titanium (trái/phải) Bộ gồm: 1 nẹp + 8 vít (4 vít khóa 2.7mm + 4 vít khóa 3.5mm) + 1 vít xương cứng 3.5mm Nẹp có 4 lỗ đầu, thân nẹp 3-9 lỗ, tương ứng chiều dài 63-153mm, dày 3mm, rộng 11mm Vít khóa 2.7mm: dài 6-40mm Vít khóa 3.5mm: dài 8-80mm Vít xương cứng 3.5mm: dài 8-90mm Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485, CE	Cái/Gói	Bộ	10
45	Bộ cố định ngoài chữ T L.S	Khung cố định ngoài chữ T gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 8mm, 2 thanh ren thép 316 đường kính 6mm, 12 khối chữ nhật, 10 bu lông, 28 đai ốc thép không rỉ. Bộ cố định ngoài chữ T gồm 01 khung và 5 đinh răng Schanz đường kính 5,0mm	1 Bộ/gói	Bộ	5
46	Bộ cố định ngoài gần khớp L.S	Khung cố định ngoài gần khớp gồm 1 thanh cong đường kính 8mm, 1 thanh thép 316 thẳng đường kính 8mm, 1 thanh răng thép 316 đường kính 6mm, 12 khối chữ nhật, 25 bu lông, 4 đai ốc thép không rỉ. Bộ cố định ngoài gần khớp gồm 01 khung và 6 đinh răng Schanz đường kính 5.0mm	1 Bộ/gói	Bộ	5
47	Bộ cố định ngoài qua gối L.S	Khung cố định ngoài qua gối gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 8mm, 12 khối chữ nhật, 24 đai ốc, 12 bulông thép không rỉ. Bộ cố định ngoài qua gối gồm 1 khung và 6 đinh răng Schanz đường kính 5.0mm	1 Bộ/gói	Bộ	5
48	Bộ cố định ngoài cẳng chân L.S	Khung cố định ngoài cẳng chân LS gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 8mm, 8 khối chữ nhật, 8 bu lông, 16 đai ốc thép không rỉ. Bộ cố định ngoài cẳng chân gồm 01 khung và 4 đinh răng Schanz đường kính 5.0mm	1 Bộ/gói	Bộ	5
49	Bộ nẹp lòng máng, titanium	Chất liệu titanium Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Bao gồm: 1/ Nẹp lòng máng: Nẹp 2/3/4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ, dài 25/37/49/61/73/85/97/109/121/133/145mm, dày 1mm, rộng 9mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, khoảng cách lỗ trung tâm 16mm, sử dụng kết hợp vít xương cứng 3.5mm hoặc vít xốp 4.0mm 2/Vít xương cứng đường kính 3,5mm, dài 10-110mm, đường kính đầu 6,0mm, đường kính lõi 2.4mm Có trợ cụ hỗ trợ	Cái/ gói	Bộ	15
50	Bộ nẹp khóa nén ép đầu dưới xương cánh tay mặt trong	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 4 vít khóa 2.7mm + 5 vít khóa 3.5mm + 2 vít xương cứng 3.5mm. 1/ Nẹp có 5 lỗ đầu. Đầu nẹp dày 3,3mm, rộng 10mm; thân nẹp dày 3.3mm, rộng 10mm. Thân nẹp có 3/5/7/9/11/13 lỗ, trái/phải tương thích chiều dài 90/120/150/180/210/240mm, khoảng cách lỗ 15mm, cong 81 độ. 2/ Vít khóa 2.7mm: đường kính thân vít 2.7mm, dài 6-40mm với bước tăng 2mm, đường kính lõi vít 2.05mm, bước ren 0.6mm, đầu vít hình sao, đường kính đầu vít 3.5mm, sử dụng mũi khoan 2.0mm, tự taro 3/ Vít khóa 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-80mm, từ 8-40mm với bước tăng 2mm và 40-80mm với bước tăng 5mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 5mm, đường kính lõi vít 2.85mm, bước ren 0.8mm, sử dụng mũi khoan 2.8mm, tự taro. 4/ Vít xương cứng 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-90mm, từ 8-40 với bước tăng 2mm, từ 40-90 với bước tăng 5mm, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6mm, đường kính lõi vít 2.4mm, bước ren 1.25mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm, tự taro - Tiêu chuẩn FDA , ISO 13485, CE	Cái/Gói	Bộ	30

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (mặt hàng đề nghị báo giá)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
51	Bộ nẹp khóa nén ép đầu dưới xương mác - I	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 11 vít khóa 3,5mm + 1 vít xương cứng 3.5mm. 1/. Nẹp có 4 lỗ đầu. Đầu nẹp dày 1.7mm, rộng 16mm; thân nẹp dày 2.1mm, rộng 10mm. Thân nẹp có 4/5/6/8/10/12/14/16 lỗ, trái/phải tương ứng chiều dài 85/98/111/137/163/189/215/241mm. Khoảng cách lỗ 13mm, cong 5 độ. 2/. Vít khóa 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-80mm, từ 8-40mm với bước tăng 2mm và 40-80mm với bước tăng 5mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 5mm, đường kính lõi vít 2.85mm, bước ren 0.6mm, sử dụng mũi khoan 2.8mm, tự taro. 3/. Vít xương cứng 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-90mm, từ 8-40 với bước tăng 2mm, từ 40-90 với bước tăng 5mm, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6mm, đường kính lõi vít 2.4mm, bước ren 1.25mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA , ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	30
52	Bộ Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay đa hướng 2.7 - II	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 9 vít khóa 2.7mm + 1 vít xương cứng 2.7mm. 1/. Nẹp có 9 lỗ đầu. Đầu nẹp dày 2.9mm, rộng 24mm, sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm. Thân nẹp dày 2mm, rộng 7.6mm. Thân có 3/4/5/6 lỗ, trái/phải tương thích chiều dài 45/54/66/75mm. Thân nẹp sử dụng lỗ kết hợp với khóa đường kính 2.7mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 2.7mm, tự taro. 2/. Vít khóa 2.7mm: đường kính thân vít 2.7mm, dài 6-40mm với bước tăng 2mm, đường kính lõi vít 2.05mm, bước ren 0.6mm, đầu vít hình sao, đường kính đầu vít 3.5mm, sử dụng mũi khoan 2.0mm, tự taro. 3/. Vít xương cứng 2.7mm: đường kính thân vít 2.7mm, dài từ 10-30mm, từ 10-40 với bước tăng 2mm, từ 40-50mm với bước tăng 5mm, đường kính lõi vít 1.9mm, bước ren 1mm, đầu lục giác, đường kính đầu vít 5mm, sử dụng mũi khoan 2.0mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA , ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	30
53	Bộ nẹp khóa thân xương đòn	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 6 vít khóa 3.5mm + 1 vít xương cứng 3.5mm. 1/. Nẹp dày 2.6 mm, rộng 10mm. Thân nẹp có 6/7/8/9/10 lỗ, trái phải tương thích chiều dài 69/14/81/92/63/99/114.77mm, khoảng cách lỗ 12mm, cong 12 độ/ 7.5 độ. 2/. Vít khóa 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-80mm của 8-40mm với bước tăng 2mm và 40-80mm với bước tăng 5mm), đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 5mm; đường kính lõi vít 2.85mm, bước ren 0.6mm, sử dụng mũi khoan 2.8mm, tự taro. 3/. Vít xương cứng 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-90(bao gồm từ 8-40 với bước tăng 2mm, từ 40-90 với bước tăng 5mm), đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6mm, đường kính lõi vít 2.4mm, bước ren 1.25mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	30
54	Bộ nẹp mắc xích thế hệ I, chất liệu Titanium	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 8 vít xương cứng 3.5mm. 1/. Nẹp dày 3.2mm, rộng 10mm. Thân nẹp có 4/5/6/7/8/9/10/12/14/16 lỗ tương ứng chiều dài 46/58/70/82/94/106/118/142/166/190mm 2/. Vít xương cứng 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 10-80mm, bước tăng 2mm, đường kính lõi vít 2.4mm, bước ren 1.25mm, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	30
55	Vít nẹp đường kính 6.5mm, ren một phần thân, tự taro, chất liệu Titanium Alloy	- Chất liệu Titanium. - Thân 1 phần ren, đường kính 6.5mm ứng với chiều dài từ 40 - 150mm với bước tăng 5mm, tự taro - Đường kính đầu vít 8mm - Đường kính thân vít 6.5mm - Đường kính lõi vít 3mm - Bước ren 2.75mm - Sử dụng mũi khoan 4.5mm -Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Cái	20
56	Bộ nẹp thân xương đòn	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 8 vít xương cứng 2.5mm. 1/. Nẹp dày 3.2mm, rộng 10mm, thân nẹp có 6/7/8/9/10 lỗ, trái/phải tương thích với chiều dài 69/81/92/99/115mm, khoảng cách lỗ 12mm 2/. Vít xương cứng 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 10-40mm, bước tăng 2mm; đường kính lõi vít 2.4mm, bước ren 1.25mm, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	20

STT	Tên VTYT (theo trong thầu)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
57	Bộ nẹp khóa nén ép bản hẹp - II	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 7 vít khóa 5.0mm + 2 vít vương cùng 4.5mm. 1/. Nẹp dày 4mm, rộng 12.5mm. Thân nẹp có 5/6/7/8/9/10/12/14 lỗ, tương ứng với chiều dài 97/115/133/151/169/187/223/259mm, khoảng cách lỗ 18mm. 2/. Vít khóa 5.0mm: đường kính thân vít 5.6mm, dài 10-90mm (từ 10 -50mm với bước tăng 2mm và 50-90mm với bước tăng 5mm), tự taro, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6.78mm, đường kính lõi vít 4.3mm, bước ren 1mm, sử dụng mũi khoan 4.2mm 3/. Vít vương cùng 4.5mm: đường kính thân vít 4.5mm, dài 14 - 100mm (từ 14-70mm bước tăng 2mm, từ 70-100mm bước tăng 5mm), tự taro, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 8mm, đường kính lõi vít 3mm, bước ren 1.75mm, sử dụng mũi khoan 3.2mm. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	20
58	Bộ nẹp khóa mắc cùng đùi	Chất liệu titanium Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA Bao gồm: 1/ Nẹp bản rộng nén ép: Nẹp 2/3/4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ tương ứng chiều dài 25/37/49/61/73/85/97/109/121/133/145mm , khoảng cách giữa các lỗ 12mm, dày 3.5mm, rộng 10mm. Lỗ nẹp nén ép hỗ trợ bắt vít nghiêng 25 độ theo chiều dọc và 7 độ theo chiều ngang 2/ Vít vương cùng đường kính 5.5mm, dài 12-110mm, đường kính đầu 6.0mm, đường kính lõi 2.4mm Có mũ ốc hỗ trợ	Cái/Gói	Bộ	15
59	Bộ Nẹp khóa nén ép tái tạo thân vương đùi	- Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 6 vít khóa 5.5mm + 2 vít vương cùng 5.5mm. 1/. Nẹp dày 4 mm, rộng 10mm, Nẹp có 6/8/10 lỗ, trái/phải tương ứng chiều dài 79/107/128mm, khoảng cách lỗ 14.3mm, cong 19.8 độ. Thân nẹp lỗ vít kết hợp đúng vít khóa đường kính 5.5mm, tự taro và vít vương cùng đường kính 5.5mm, tự taro 2/. Vít khóa 5.5mm: đường kính thân vít 5.5mm, dài 8-80mm (từ 8-40mm với bước tăng 2mm và 40-80mm với bước tăng 5mm), đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 5mm, đường kính lõi vít 2.85mm, bước ren 0.8mm, sử dụng mũi khoan 2.8mm, tự taro 3/. Vít vương cùng 5.5mm: đường kính thân vít 5.5mm, dài 8-90mm (từ 8-40 với bước tăng 2mm, từ 40-90 với bước tăng 5mm), đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6mm, đường kính lõi vít 2.4mm, bước ren 1.25mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	10
60	Bộ nẹp khóa nén ép bản rộng - II	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 7 vít khóa 5.0mm + 2 vít vương cùng 4.5mm. 1/. Nẹp dày 4mm, rộng 17.5mm. Thân nẹp có 5/6/7/8/9/10/12/14/16/18 lỗ tương thích chiều dài 98/116/134/152/170/188/224/260/296/332mm, khoảng cách lỗ 18mm. 2/. Vít khóa 5.0mm: đường kính thân vít 5.0mm, dài 10-90mm (từ 10 -50mm với bước tăng 2mm và 50-90mm với bước tăng 5mm), tự taro, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6.78mm, đường kính lõi vít 4.3mm, bước ren 1mm, sử dụng mũi khoan 4.2mm 3/. Vít vương cùng 4.5mm: đường kính thân vít 4.5mm, dài 14 - 100mm (từ 14-70mm bước tăng 2mm, từ 70-100mm bước tăng 5mm), tự taro, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 8mm, đường kính lõi vít 3mm, bước ren 1.75mm, sử dụng mũi khoan 3.2mm Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	10
61	Bộ nẹp khóa nén ép đầu dưới vương đùi mặt ngoài - II	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 12 vít khóa 5.0mm + 2 vít vương cùng 4.5mm. 1/. Nẹp có 6 lỗ đầu, đầu nẹp dày 3mm, rộng 32.2mm. Thân nẹp dày 6mm, rộng 16mm, thân nẹp có 6/8/10/12/14 lỗ, trái/phải tương thích chiều dài 169/208/247/287/326mm, khoảng cách lỗ 19.8mm, cong 4 độ 2/. Vít khóa 5.0mm: đường kính thân vít 5.6mm, dài 10-90mm (từ 10 -50mm với bước tăng 2mm và 50-90mm với bước tăng 5mm), tự taro, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6.78mm, đường kính lõi vít 4.3mm, bước ren 1mm, sử dụng mũi khoan 4.2mm 3/. Vít vương cùng 4.5mm: đường kính thân vít 4.5mm, dài 14 - 100mm (từ 14-70mm bước tăng 2mm, từ 70-100mm bước tăng 5mm), tự taro, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 8mm, đường kính lõi vít 3mm, bước ren 1.75mm, sử dụng mũi khoan 3.2mm. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	20
62	Vít khóa đường kính 2.0mm, tự taro, chất liệu Titanium Alloy	- Chất liệu Titanium - Đường kính 2.0mm tương ứng với chiều dài 6-30mm, bước tăng 2mm, tự taro - Đường kính đầu vít 2.75mm - Đường kính thân vít 2mm - Đường kính lõi vít 1.5mm - Bước ren 0.9mm - Sử dụng mũi khoan 1.5mm - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Cái	10

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
63	Vít xương cứng đường kính 2.0mm	- Chất liệu Titanium - Đường kính 2.0mm ứng với chiều dài từ 6 - 30mm với bước tăng 2mm, tự taro - Đường kính đầu vít 3.3mm - Đường kính thân vít 2.0mm - Đường kính lõi vít 1.3mm - Bước ren 0.9mm - Sử dụng mũi khoan 1.5mm - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Cái	10
64	Xi măng khớp có kháng sinh	Xi măng xương có kháng sinh gentamicin (0.2lg gentamicin/20g bột). Bột xi măng chất liệu Gentamicin (dưới dạng gentamicin sulphate), Poly (methylacrylate, methyl methacrylate), zirconium dioxide, benzoyl peroxide và chất tạo màu cohoant. Dung dịch pha chứa: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chất tạo màu. Chứa chất tạo màu chlorophyll. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE	1 hộp/ gói	Cái	20
65	Nẹp mini thẳng	- Nẹp mặt thẳng 16 lỗ cho vít 2.0mm, độ dày nẹp 1.0mm; chất liệu Titanium đỏ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67); - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA	10 Cái/ Gói	Cái	120
66	Vít mini 2.0, tự taro	- Vít khóa tự taro đường kính 2.0mm - Mũ vít hình sao - Chiều dài: 5mm - 19mm	10 Cái/ Hộp .	Cái	800
67	Bộ nẹp khóa nén ép đầu dưới xương chày mặt trong - III	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 11 vít khóa 3.5mm + 1 vít xương cứng 3.5mm. 1/. Nẹp có 9 lỗ đầu, đầu nẹp dày 2mm, rộng 20.2mm. Thân nẹp dày 3.6mm, rộng 10.5mm, thân nẹp có 6/8/10/12/14 lỗ, trái/phải tương thích chiều dài 148/174/200/226/252mm, khoảng cách lỗ 13mm, cong 4 độ. 2/. Vít khóa 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-80mm (từ 8-40mm với bước tăng 2mm và 40-80mm với bước tăng 5mm), đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 5mm, đường kính lõi vít 2.85mm, bước ren 0.8mm, sử dụng mũi khoan 2.8mm, tự taro. 3/. Vít xương cứng 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-90mm (từ 8-40 với bước tăng 2mm, từ 40-90 với bước tăng 5mm), đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6mm, đường kính lõi vít 2.4mm, bước ren 1.25mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA , ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	10
68	Bộ Nẹp khóa nén ép cẳng tay-II	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 6 vít khóa 3.5mm + 1 vít xương cứng 3.5mm. 1/. Nẹp dày 3.2mm, rộng 11mm. Thân nẹp có 4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ tương thích chiều dài 52/65/78/91/104/117/130/143/156mm, khoảng cách lỗ 12mm. 2/. Vít khóa 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-80mm (từ 8-40mm với bước tăng 2mm và 40-80mm với bước tăng 5mm), đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 5mm, đường kính lõi vít 2.85mm, bước ren 0.8mm, sử dụng mũi khoan 2.8mm, tự taro. 3/. Vít xương cứng 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-90mm (từ 8-40 với bước tăng 2mm, từ 40-90 với bước tăng 5mm), đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6mm, đường kính lõi vít 2.4mm, bước ren 1.25mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	40
70	Bộ Nẹp khóa nén ép đầu trên xương cánh tay-III	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 11 vít khóa 3.5mm + 2 vít xương cứng 3.5mm. 1/. Nẹp có 10 lỗ đầu. Đầu nẹp dày 1.8mm, rộng 20mm; thân nẹp dày 3mm, rộng 12mm. Thân nẹp có 3/5/7/9/11/13/15/17 lỗ tương thích chiều dài 102/126/150/174/198/222/246/270mm, khoảng cách lỗ 12mm. 2/. Vít khóa 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-80mm (từ 8-40mm với bước tăng 2mm và 40-80mm với bước tăng 5mm), đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 5mm, đường kính lõi vít 2.85mm, bước ren 0.8mm, sử dụng mũi khoan 2.8mm, tự taro. 3/. Vít xương cứng 3.5mm: đường kính thân vít 3.5mm, dài 8-90mm (từ 8-40 với bước tăng 2mm, từ 40-90 với bước tăng 5mm), đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 6mm, đường kính lõi vít 2.4mm, bước ren 1.25mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	10
71	Xương nhân tạo Ecabone HA/TCP dạng hạt Granules	Chất liệu 60%HA + 40% TCP, macroporosity : 200-800 µm, microporosity 1.0-10 µm, porosity: 85%, độ vững chắc 5.5-7.5 MPa, tiệt trùng bằng Gamma 25-35 kGy đạt chuẩn CE, dung tích 10cc	Hộp/ Gói	Hộp	10

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật chính tương đương hoặc cao hơn	Quy cách	ĐVT	Số lượng
72	Bộ nẹp khóa nén vịt đầu dưới xương quay mặt lòng chữ T, chất liệu Titanium	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 9 vít khóa 2.7mm + 1 vít xương cứng 2.7mm. 1/. Nẹp có 9 lỗ dầu. Đầu nẹp dày 2.9mm, rộng 24mm, sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm. Thân nẹp dày 2mm, rộng 7.6mm. Thân có 3/4/5/6 lỗ, mặt phẳng tương thích chiều dài 45/54/66/75mm. Thân nẹp sử dụng lỗ kết hợp: vít khóa đường kính 2.7mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 2.7mm, tự taro. 2/. Vít khóa 2.7mm: đường kính thân vít 2.7mm, dài 6-40mm với bước tăng 2mm, đường kính lõi vít 2.05mm, bước ren 0.6mm, đầu vít hình sao, đường kính đầu vít 3.5mm, sử dụng mũi khoan 2.0mm, tự taro 3/. Vít xương cứng 2.7mm: đường kính thân vít 2.7mm, dài từ 10-50mm, từ 10-40 với bước tăng 2mm, từ 40-50mm với bước tăng 5mm, đường kính lõi vít 1.9mm, bước ren 1mm, đầu lục giác, đường kính đầu vít 5mm, sử dụng mũi khoan 2.0mm, tự taro Tiêu chuẩn FDA , ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	20
73	Xương nhân tạo Substitute HA/TCP, dạng hạt Granules	Chất liệu 60%HA + 40% TCP, macroporosity : 200-800 µm; microporosity 1.0-10 µm, porosity: 81%, độ vững chắc 5.5-7.5 MPa, tiệt trùng bằng Gamma 25-35 kGy đạt chuẩn CE., dung tích 10cc	Hộp/ Gói	Hộp	10
74	Bộ nẹp khóa nén vịt đầu dưới xương quay mặt lòng chữ T, chất liệu Titanium	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 9 vít khóa 2.7mm + 1 vít xương cứng 2.7mm. 1/. Nẹp có 9 lỗ dầu. Đầu nẹp dày 2.9mm, rộng 24mm, sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm. Thân nẹp dày 2mm, rộng 7.6mm. Thân có 3/4/5/6 lỗ, mặt phẳng tương thích chiều dài 45/54/66/75mm. Thân nẹp sử dụng lỗ kết hợp: vít khóa đường kính 2.7mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 2.7mm, tự taro. 2/. Vít khóa 2.7mm: đường kính thân vít 2.7mm, dài 6-40mm với bước tăng 2mm, đường kính lõi vít 2.05mm, bước ren 0.6mm, đầu vít hình sao, đường kính đầu vít 3.5mm, sử dụng mũi khoan 2.0mm, tự taro 3/. Vít xương cứng 2.7mm: đường kính thân vít 2.7mm, dài từ 10-50mm, từ 10-40 với bước tăng 2mm, từ 40-50mm với bước tăng 5mm, đường kính lõi vít 1.9mm, bước ren 1mm, đầu lục giác, đường kính đầu vít 5mm, sử dụng mũi khoan 2.0mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA , ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	5
75	Bộ nẹp khóa mini chữ T 1.5; chất liệu Titanium	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 5 vít khóa 1.5/2.0mm + 1 vít xương cứng 1.5/2.0mm. 1/. Nẹp thẳng 1.5: dày 1.5mm, rộng 4.3mm, thân có 4/5/6/8/10 lỗ tương ứng chiều dài 21/26/31/41/51mm, khoảng cách lỗ 5mm. Nẹp thẳng 2.0: dày 1.5mm, rộng 5.5mm, thân có 2/3/4/5/6/7/8/9/10 lỗ tương ứng chiều dài 17/24/31/38/45/52/59/66/73mm, khoảng cách lỗ 7mm. 2/. Nẹp chữ T 1.5: có 3/4 lỗ đầu, dày 1mm, rộng 14.3mm, thân nẹp dày 1mm, rộng 4.3mm, có 8 lỗ thân dài 45.8mm, khoảng cách lỗ 5mm. Nẹp chữ T 2.0: có 2 lỗ đầu, dày 1.1mm, rộng 14.2mm, thân nẹp dày 1.1mm, rộng 5mm, có 3/4/5 lỗ chốt tương thích chiều dài 25.3/32.1/38.8mm, khoảng cách lỗ 6.77mm, cong 90 độ. Nẹp chữ T 2.0 có 3 lỗ đầu, dày 1.1mm, rộng 18.5mm, thân nẹp dày 1.1mm, rộng 5mm, có 3/4/5/9 lỗ thân tương thích chiều dài 25.9/32.7/39.5/66.5mm, khoảng cách lỗ 6.77mm, cong 90 độ. 3/. Nẹp chữ V 1.5 có 3 lỗ đầu, đầu nẹp dày 1mm, rộng 15mm, thân nẹp dày 1mm, rộng 4.3mm. Nẹp có 8 lỗ thân, dài 46.1mm, khoảng cách lỗ 5mm, cong 145 độ. Nẹp chữ V 2.0 có 3 lỗ đầu, dày 1.5mm, rộng 17.6mm, thân nẹp dày 1.5mm, rộng 5mm, có 4/5/6/7/8/9 lỗ tương thích chiều dài 34.7/41.5/48.2/55/61.8/68.5mm, khoảng cách lỗ 6.77mm 4/. Vít khóa 1.5mm: đường kính thân vít 1.5mm, dài 6-24mm với bước tăng 2mm; đường kính lõi vít 1.1mm, bước ren 0.5mm, đầu vít hình sao, đường kính đầu vít 2.75mm, sử dụng mũi khoan 1.1mm, tự taro. Vít khóa 2.0mm: đường kính thân vít 2.0mm, dài 6-30mm, bước tăng 2mm; đường kính lõi vít 1.5mm, bước ren 0.9mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 2.75mm, sử dụng mũi khoan 1.5mm, tự taro. 5/. Vít xương cứng 1.5mm: đường kính thân vít 1.5mm, dài 6-24mm với bước tăng 2mm, đường kính lõi vít 1.1mm, bước ren 0.5mm, đầu vít hình sao, đường kính đầu vít 3.2mm, sử dụng mũi khoan 1.1mm, tự taro. Vít xương cứng 2.0mm: Đường kính thân vít 2.0mm, dài 6-30mm, bước tăng 2mm; đường kính lõi vít 1.3mm, bước ren 0.9mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 3.5mm, sử dụng mũi khoan 1.5mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	10

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật chính tương đương hoặc cao hơn	Quy cách	ĐVT	Số lượng
7b	Bộ nẹp khóa mini chữ Y 1.5; chất liệu Titanium	Chất liệu Titanium. Gồm: 1 nẹp + 5 vít khóa 1.5/2.0mm + 1 vít xương cứng 1.5/2.0mm 1/. Nẹp thẳng 1.5: dày 1.5mm, rộng 4.2mm, thân có 4/5/6/8/10 lỗ tương ứng chiều dài 21/26/31/41/51mm, khoảng cách lỗ 5mm Nẹp thẳng 2.0: dày 1.5mm, rộng 5.5mm, thân có 2/3/4/5/6/7/8/9/10 lỗ tương ứng chiều dài 15/24/31/38/45/52/59/66/73mm, khoảng cách lỗ 7mm. 2/. Nẹp chữ T 1.5: có 3/4 lỗ đầu, dày 1mm, rộng 14.2mm, thân nẹp dày 1mm, rộng 4.2mm, có 8 lỗ thân dài 45.8mm, khoảng cách lỗ 5mm. Nẹp chữ T 2.0: có 2 lỗ đầu, dày 1.1mm, rộng 14.2mm, thân nẹp dày 1.1mm, rộng 5mm, có 3/4/5 lỗ thân tương thích chiều dài 25.3/32.1/38.8mm, khoảng cách lỗ 6.77mm, cong 90 độ. Nẹp chữ T 2.0 có 3 lỗ đầu, dày 1.1mm, rộng 18.5mm, thân nẹp dày 1.1mm, rộng 5mm, có 3/4/5/9 lỗ thân tương thích chiều dài 25.9/32.7/39.5/66.5mm, khoảng cách lỗ 6.77mm, cong 90 độ. 3/. Nẹp chữ Y 1.5 có 5 lỗ đầu, đầu nẹp dày 1mm, rộng 15mm, thân nẹp dày 1mm, rộng 4.3mm. Nẹp có 8 lỗ thân, dài 46.1mm, khoảng cách lỗ 5mm, cong 145 độ. Nẹp chữ Y 2.0 có 5 lỗ đầu, dày 1.5mm, rộng 17.6mm, thân nẹp dày 1.5mm, rộng 5mm, có 4/5/6/7/8/9 lỗ tương thích chiều dài 34.5/41.5/48.2/55/61.8/68.5mm, khoảng cách lỗ 6.77mm 4/. Vít khóa 1.5mm: đường kính thân vít 1.5mm, dài 6-24mm với bước tăng 2mm; đường kính lõi vít 1.1mm, bước ren 0.5mm, đầu vít hình sao, đường kính đầu vít 2.75mm, sử dụng mũi khoan 1.1mm, tự taro. Vít khóa 2.0mm: đường kính thân vít 2.0mm, dài 6-30mm, bước tăng 2mm; đường kính lõi vít 1.5mm, bước ren 0.9mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 2.75mm, sử dụng mũi khoan 1.5mm, tự taro. 5/. Vít xương cứng 1.5mm: đường kính thân vít 1.5mm, dài 6-24mm với bước tăng 2mm; đường kính lõi vít 1.1mm, bước ren 0.5mm, đầu vít hình sao, đường kính đầu vít 3.3mm, sử dụng mũi khoan 1.1mm, tự taro. Vít xương cứng 2.0mm: Đường kính thân vít 2.0mm, dài 6-30mm, bước tăng 2mm, đường kính lõi vít 1.3mm, bước ren 0.9mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 3.3mm, sử dụng mũi khoan 1.5mm, tự taro. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái/Gói	Bộ	5
PTT3	Bộ Nẹp khóa xương gót	Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing nẹp có màu Vàng, L/R. Thân nẹp là các lỗ có ren, cấu trúc góc cố định, có các nhánh điều chỉnh được để bảo phủ mảnh gãy - Nẹp khóa size XS. Thân nẹp dày 1.8mm, rộng 8mm, gồm 15 lỗ, dài 64mm - Nẹp khóa size S. Thân nẹp dày 2mm, rộng 8mm, gồm 15 lỗ, dài 68mm - Nẹp khóa size L. Thân nẹp dày 2mm, rộng 8mm, gồm 15 lỗ, dài 70mm Vít đi kèm: Sử dụng vít khóa 3.5mm, vít vỏ/Vít cứng 2.5mm và/hoặc vít hủy/ vít xốp 4.0mm. Chất liệu manium alloy TC4 (Ti6Al4V/Ti6Al4VELI). - 06 Vít khóa (Φ7.5) tự taro, mũ vít lục giác, có hình hồng sao. Đường kính đầu: Φ4.95mm, đường kính trong: Φ2.9mm, đường kính ngoài: Φ3.5mm. Chiều cao đầu 2.6mm và chiều dài đầu 5.2mm. Chiều dài vít từ 10-95mm ,bước tăng 1/2/5mm. Dụng cụ tương ứng: Mũi khoang: Φ2.5mm, tua vít: Stardrive T15. - 02 Vít vỏ (Φ3.5) tự taro, mũ vít lục giác. Đường kính đầu: Φ6mm, đường kính trong: Φ2.4mm, đường kính ngoài: Φ3.5mm. Chiều cao đầu 2.7mm và chiều dài đầu 2.5mm. Chiều dài vít từ 10-150mm ,bước tăng 1/2/3mm. Dụng cụ tương ứng: Mũi khoang: Φ2.5mm, tua vít: Stardrive T15. - 02 Vít xốp (Φ4.0) tự taro, mũ vít lục giác. Thân vít có ren phủ hàn phần. Đường kính đầu: Φ6mm, đường kính trong: Φ2mm, đường kính ngoài: Φ4.0mm. Chiều cao đầu 2.8mm và chiều dài đầu 1.8mm. Chiều dài vít từ 10-60mm ,bước tăng 2/5mm. Dụng cụ tương ứng: Mũi khoang: Φ2.5mm, tua vít: Stardrive T15. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích.	1bộ/gói	Bộ	10

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
[illegible]	Bộ Nẹp thẳng	Nẹp khóa mini thẳng (2.0), thân nẹp có tính ít tiếp xúc. - Chất liệu titanium TA1G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing nẹp có màu Vàng - Thân nẹp dày 1.3mm, rộng 9mm. Số lỗ gồm 4, 5, 6, 7, 8 lỗ. chiều dài từ 51-94mm. bước tăng 7mm. khoảng cách lỗ 7mm Vít đi kèm: sử dụng vít khóa 2.0mm và vít vỏ/vít cứng 2.0mm. Chất liệu titanium alloy TC4 (Ti6Al4V/Ti6Al4V ELI) - 04 Vít khóa (Φ2.0) tự taro, mũ vít lục giác có hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. Đường kính đầu: Φ2.6mm, đường kính trong: Φ1.4mm, đường kính ngoài: Φ2.0mm. Chiều cao đầu 1.17mm và chiều dài đầu 2.5mm. Chiều dài vít từ 6-20mm /bước tăng 1/2mm. Dụng cụ tương ứng: Mũi khoang: Φ1.5mm, tua vít: Stardrive T6. - 02 Vít vỏ (Φ2.0) tự taro, mũ vít lục giác. Đường kính đầu: Φ3.3mm, đường kính trong: Φ1.4mm, đường kính ngoài: Φ2.0mm. Chiều cao đầu 1mm và chiều dài đầu 2.5mm. Chiều dài vít từ 6-40mm /bước tăng 1/2mm. Dụng cụ tương ứng: Mũi khoang: Φ1.5mm, tua vít: Stardrive T6. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ dụng cụ tương thích.	Hộp/gói	Bộ	20

DANH MỤC VẬT TƯ NỘI SOI

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng đề xuất
1	Chỉ siêu bền dùng trong nội soi khớp	Chỉ siêu bền #2, chất liệu Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE), màu trắng/xanh, chiều dài 39 inch (99cm). Đầu kim dạng hàn nguyệt loại MO-6, dài 26mm. Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	200
2	Dây dẫn nước dùng trong phẫu thuật nội soi khớp	Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp, chất liệu nhựa polyvinyl chloride (PVC), không có chứa chất Diethylhexyl Phthalate (DEHP) Dây dẫn nước áp lực trong nội soi khớp, có 2 đầu nước vào và 1 đầu nước ra được điều chỉnh khóa an toàn. Kiểm soát áp suất, ống đo áp suất được kết nối với máy bơm Được khử trùng bằng khí H2O2 – Gas – Plasma Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	200
3	Lưỡi bào dùng cho nội soi khớp	Lưỡi bào khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô hoặc tương đương Dùng 1 lần, bào cắt lọc mô xơ, nông nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, trường phẫu thuật trong suốt. Chiều dài 130mm Đường kính 3mm, 4mm và 5mm Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	200
4	Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF	Dẫn đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF gồm phần tay cầm có nút bấm có thể tái sử dụng nhiều lần, phần thân (lưỡi đốt) dùng một lần. Có chức năng hút nước. Phần dây hút nước dài 35cm. Phần dây điện kết nối với tay cầm dài 4m. Có các loại đầu đốt cong 90° và cong 45°, chiều dài 150mm. Sử dụng được cho phẫu thuật nội soi khớp háng, khớp gối và khớp vai Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	200
5	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu sinh học CURONSCREW TCP NG	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu chất liệu polylactic acid (PLA) 70% + Beta Tri calcium phosphate 30% (β-TCP) Đường kính 6 đến 11 mm và chiều dài 24mm, 30mm, 35 mm, Dạng vát và đầu dạng tròn. Có tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/ gói	Cái	5
6	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu sinh học CURONSCREW NG	Loại tự tiêu chất liệu polylactic acid (PLA) 100% Đường kính 6, 7, 8, 9, 10, 11 mm và chiều dài 20, 24, 30, 35mm. Đầu vít dẹt. Lõi vít hình tam giác sử dụng với tuốc nơ vít 3 cạnh. Có tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/ gói	Cái	30

7	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài Riverpoint	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài, cấu tạo gồm phần vít chặn titanium và vòng dây sọc vân cải thiện khả năng quan sát khi phẫu thuật. Khóa 3 điểm giúp cho việc cấy ghép thay thế dễ dàng Một cỡ vừa với mọi trường hợp. Vòng dây có thể tự điều chỉnh chiều dài từ 15 tới 60mm, Lực kéo 900N Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	100
8	Vít treo mảnh ghép gân	Vít chốt neo cố định dây chằng chéo, bao gồm: 1 nút titanium 1 vòng polyethylene terephthalate (PET) 2 sợi kéo terephthalate polyethylene Nút có 4 lỗ, bo tròn 2 đầu, rộng 4.0mm, dài 12mm, độ dày 1.5mm Dây treo 15, 20, 25, 30, 35, 40 mm Đóng gói tiệt trùng Gamma Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/ gói	Cái	15
9	Vít chỉ neo đơn không tiêu chất liệu Peek	Công dụng: Cố định mô mềm, dây chằng và gân vào xương. Chất liệu: Vít neo bằng PEEK (Polyether Ether Ketone). Chỉ khâu bằng UHMWPE (Ultra High Molecular Weight Polyethylene). Kích thước: Vít: đường kính 2.4 mm, 3.0 mm; chiều dài 11 mm, 12 mm, 13 mm Chỉ khâu đi kèm: loại 1/2# và 2/2#, (1 sợi có 2 hoặc 2 sợi có 2); chiều dài 1220 mm và 670 mm - Tiệt trùng sẵn - Cam kết hàng mới 100% - Đạt ISO 13485 và EC	Cái/ hộp	Cái	10
10	Vít neo tự tiêu khâu chóp xoay dùng trong nội soi khớp đường kính 5.5mm	Chất liệu: PLGA + β-TCP, tự tiêu Kích thước: Đường kính ngoài: 5.5 mm. Đường kính trong: 3.7 mm. Đường kính mũi: 4.2 mm. Chiều dài: 16.7 mm. Kèm theo chỉ khâu. - Tiệt trùng sẵn - Cam kết hàng mới 100% - Đạt ISO 13485	Cái/ hộp	Cái	10
11	Vít neo khâu chóp xoay chất liệu Peek	Công dụng: Cố định mô mềm, dây chằng và gân vào xương. Chất liệu: Vít neo bằng PEEK (Polyether Ether Ketone) Chỉ khâu bằng UHMWPE (Ultra High Molecular Weight Polyethylene). Kích thước: Vít: đường kính 5.0 mm và 5.5 mm; chiều dài 19 mm Chỉ khâu đi kèm: loại 1/2# và 2/2# (1 sợi có 2 hoặc 2 sợi có 2); chiều dài 600 mm, 650 mm hoặc 950 mm. - Tiệt trùng sẵn - Hàng mới 100% - Đạt ISO 13485 và EC.	Cái/ hộp	Cái	10
12	Vít chỉ neo khâu sụn viền	Công dụng: Cố định sụn viền trong phẫu thuật nội soi. Chất liệu: Vít tự tiêu; chỉ khâu UHMWPE (02 sợi). Kích thước: Vít: đường kính 2.4 mm, chiều dài 11.9 mm. Đóng gói: Tiệt trùng sẵn, dùng một lần. - Cam kết hàng mới 100% - Đạt ISO 13485.	Cái/ hộp	Cái	30

PNNI					15

DANH MỤC VẬT TƯ PHỤC VỤ PHẪU THUẬT CỘT SỐNG

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật thuật tương đương hoặc ưu việt hơn	Quy cách	ĐVT	Số lượng đề xuất
1	Nẹp nối ngang cột sống lưng LnK crosslink	Nẹp ngang lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu: Titanium - Chiều dài: 30-34mm/ 34-42mm/ 40-53mm/ 50-70mm - Có móc 2 đầu có thể điều chỉnh độ dài - Tương thích thanh dọc từ 5.5-6.0mm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Cái/ gói	Cái	4
2	Nẹp dọc LnK OpenLoc-L, dài 300-500mm	Chất liệu: Titanium Kích thước: Thanh dọc trơn thẳng: dài 300 - 500mm (tăng 50mm), đường kính 5.5/ 6.0mm Thanh dọc loại tròn, thẳng, tương thích vít: Đầu vít nhỏ: đơn trục 15.2mm, đa trục 16.2mm Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	Cái/ gói	Cái	6
3	Vít cột sống lưng LnK OpenLoc-L, kèm vít khóa trong	Chất liệu: Titanium Kích thước: - Đầu vít nhỏ: đơn trục 15.2mm, đa trục 16.2mm, vít đa trục góc xoay 45 độ - Thân vít: đường kính 4.5 - 8.5mm, chiều dài 20mm-150mm Đặc tính kỹ thuật: Đầu vít sử dụng được loại rod 5.5 và 6.0mm. Mũi vít tự taro. Trục vít & lõi vít dày, cứng, chống gãy. Vít ren đôi, lõi hình nón. 2 phần ren giúp ăm xương chắc chắn. Vít mũ hữu màu để nhận diện kích cỡ Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	Bộ/ gói	Bộ	140
16	LdcK- Miếng ghép đĩa đệm lưng TLIF loại cong các cỡ	Chất liệu: PEEK Kích thước: dài 26/28/30/32mm, rộng 11mm, cao 7-16mm (Tăng 1mm) Điểm đánh dấu Tantalum Độ nghiêng trong khoảng 0°/ 4°/ 8° Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	Cái/ gói	Cái	30
PCS1	Nẹp nối ngang cố định cột sống	Vật liệu: hợp kim Titanium - Có thể điều chỉnh được góc quay và thay đổi được chiều dài. - Nẹp kèm theo 2 vít khóa tự gãy để cố định vào nẹp dọc đường kính 5.5mm - Chiều dài từ 28 - 80mm. - Tương thích với hệ thống nẹp vít ốc đường kính 5.5mm Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	1 Cái / Gói	Cái	10
PCS10	Nẹp dốt sống có trước 1 tầng có 15-31mm	Vật liệu: hợp kim Titanium với dây dưới khóa mũ vít bằng Nitinol. Độ dày 1.9mm. Bề rộng của nẹp qua hai lỗ vít: 15mm, Bề rộng của nẹp qua hai lỗ vít trung gian (chỗ rộng nhất): 16mm. Bề rộng của nẹp không qua hai lỗ vít (cổ nẹp): 12mm. Chiều dài nẹp từ 15-31mm, bước tăng của nẹp 2mm. Góc nghiêng khi bắt vít: từ -2°-32°	1 Cái / Gói	Cái	2

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng dự toán
PCS11	Nẹp đốt sống cổ trước 2 tầng cỡ 33-48mm	Vật liệu: hợp kim Titanium với dây dưới khóa mũ vít bằng Nitinol. Độ dày 1.9mm. Bề rộng của nẹp qua hai lỗ vít: 15mm. Bề rộng của nẹp qua hai lỗ vít trung gian (chỗ rộng nhất): 16mm. Bề rộng của nẹp không qua hai lỗ vít (cổ nẹp): 12mm. Chiều dài nẹp từ 33-48mm. Góc nghiêng khi bắt vít: từ -2°- 32°	1 Cái / Gói	Cái	2
PCS12	Nẹp đốt sống cổ trước 3 tầng cỡ 49-68mm	Vật liệu: hợp kim Titanium với dây dưới khóa mũ vít bằng Nitinol. Độ dày 1.9mm. Bề rộng của nẹp qua hai lỗ vít: 15mm. Bề rộng của nẹp qua hai lỗ vít trung gian (chỗ rộng nhất): 16mm. Bề rộng của nẹp không qua hai lỗ vít (cổ nẹp): 12mm. Chiều dài nẹp từ 49-68mm: bước tăng 2mm từ 49mm-65mm, bước tăng 3mm từ 65mm-68mm. Góc nghiêng khi bắt vít: từ -2°- 32°. Có thiết kế khe dọc trung tâm để bắt với vít bắt tại khe (vít dự phòng)	1 Cái / Gói	Cái	2
PCS13	Nẹp đốt sống cổ trước 4 tầng cỡ 69-83mm	Vật liệu: hợp kim Titanium với dây dưới khóa mũ vít bằng Nitinol. Độ dày 2.1mm. Bề rộng của nẹp qua hai lỗ vít: 15mm. Bề rộng của nẹp qua hai lỗ vít trung gian (chỗ rộng nhất): 16mm. Bề rộng của nẹp không qua hai lỗ vít: 12mm. Chiều dài nẹp từ 69-83mm: bước tăng 2mm từ 69mm-77mm và 79mm-83mm, bước tăng 1mm từ 77mm-79mm. Góc nghiêng khi bắt vít: từ -2°- 32°.Có thiết kế khe dọc trung tâm để bắt với vít bắt tại khe (vít dự phòng)	1 Cái / Gói	Cái	2
PCS14	Vít cột sống cổ đa hướng tự khoan hai bước ren các cỡ	Vật liệu: hợp kim Titanium. Đầu vít tự khoan. Vít có hai bước ren: ren xương cứng và ren xương xốp (ren xương cứng khoảng 3mm). Có hai loại đường kính: 3.5 và 4.0mm. Chiều dài: từ 11-21mm, bước tăng 1mm. Sử dụng với tay bắt vít lục giác	1 Cái / Gói	Cái	60
PCS15	Miếng ghép cột sống cổ vật liệu PEEK và Titanium các cỡ	Vật liệu: PEEK OPTIMA - Thiết kế phù hợp với cấu trúc giải phẫu của cơ thể - Hai bề mặt có răng - Số điểm đánh dấu cản quang: 3 điểm bằng vật liệu Titanium - Chiều rộng: 14mm, 16mm - Chiều cao: từ 4- 9mm, bước tăng 1mm - Chiều sâu: 11, 14mm - Độ uốn: 4 độ - Dung tích khoang ghép xương: 0.12-0.26cc - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng	1 Cái / Gói	Cái	10
PCS16	Vít đa hướng tự khoan	Vật liệu: hợp kim Titanium - Bắt tại khe dọc trung tâm - Đường kính: 4.5mm - Chiều dài: 13.15mm - Sử dụng với tay bắt vít lục giác	1 Cái / Gói	Cái	50

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng đề xuất
PCS17	Miếng ghép cột sống cổ dùng độc lập, vật liệu PEEK và hợp kim Titan	Nẹp cố trước liền đĩa đệm - Hình dáng: Hình thang, có răng 2 phía chống tuột, 2 lỗ dành cho bắt vít cố ren xương cứng và ren xương xốp với vòng xoay khóa vít. - Vật liệu: PEEK - Kích thước: Cao từ 5 - 10mm x rộng từ 15-17mm,bước tăng 2 x sâu từ 12-14mm, bước tăng 2. Độ dày: cạnh sau 2.5mm, cạnh bên 2.25mm, cạnh trước 3.8mm - Độ nghiêng khi bắt vít: + Dùng dụng cụ dẫn hướng: Hướng đầu-đuôi 40 độ, Hướng ra ngoài 8 độ + Không dùng dụng cụ dẫn hướng: Hướng đầu-đuôi từ 27-47 độ, Hướng ra ngoài từ 1-10 độ - Độ nghiêng Lordosis: 0 độ, 6 độ - Số điểm đánh dấu cản quang : tối thiểu 2 điểm bằng chất liệu hợp kim Titan - Khoang ghép xương: 0.35cc-1.04cc đối với miếng ghép thẳng và 0.31cc-0.97cc đối với miếng ghép nghiêng 6 độ.	1 Cái / Gói	Cái	10
PCS18	Vít tự khoan, tự Taro các cỡ	Vít tự taro/tự khoan - Vật liệu: hợp kim Titanium - Được thiết kế với hai phần: ren xương cứng và ren xương xốp - Đường kính 3.5, 4.0mm - Chiều dài: 11mm, 13mm, 15mm - Vít 11mm có 4.24mm phần ren xương cứng - Vít 13mm và 15mm có 5.24mm phần ren xương cứng	1 Cái / Gói hoặc 2 Cái/ Gói	Cái	20
PCS19	Thân đốt sống nhân tạo các cỡ	Vật liệu: Titanium - Đường kính: 13, 16, 19mm - Dài 30, 40, 60, 70, 90mm - Dạng hình trụ tròn có mặt lưỡi hình tam giác. - Dùng để đặt và thay thân sống.	2 Cái / Gói hoặc 2 Cái/ Gói	Cái	5
PCS2	Ốc khóa trong cho vít cột sống ngực hàng	Vật liệu: hợp kim Titanium - Tự gãy khi vặn đủ lực. - Cánh ren ngược - Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: 13.13mm - Đường kính: 1.0mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0 mm - Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4.65mm - Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5.5mm Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 Cái / Gói	Cái	80

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng đề xuất
PCS20	Đĩa đệm cổ cong lồi trên upper convex, marker chất liệu Tantalum	Chất liệu: PEEK đạt chuẩn ASTM F2026, có 3 điểm đánh dấu chất liệu không hợp kim Tantalum đạt chuẩn ASTM F560 Kích thước: 12x14mm/ 14x17mm, cong lồi trên upper convex, cao 5-10mm (tăng 1mm) Đặc tính kỹ thuật: Vị trí đánh dấu : cách bờ trước 1.2mm, cách bờ sau 2.2mm, 2 marker đầu đĩa cách nhau 10mm (cỡ 12x14mm), 13mm (cỡ 14x17mm) Khoảng ghép xương tương ứng các size - 12x14mm : 5mm/1.88cc, 6mm/2.32cc, 7mm/2.77cc, 8mm/3.21cc, 9mm/3.65cc, 10mm/ 4,10mm, - 14x17mm : 5mm/3.36cc, 6mm/4.16cc, 7mm/4.96cc, 8mm/5.76cc, 9mm/6.5cc, 10mm/7.37cc Đĩa đóng gói tiệt trùng sẵn. Tiêu chuẩn : ISO, CFG.	Cái/ gói	Cái	10
PCS21	Nẹp cổ mỏng 1.7mm (các cỡ)	Chất liệu : Titanium đạt chuẩn ASTM F136. Kích thước : 1 tầng : dài 19-35mm (tăng 2mm)/ 2 tầng : dài 35-51mm (tăng 2mm)/ 3 tầng : dài 48-72mm (tăng 3mm)/ 4 tầng : dài 65-93mm (tăng 4mm). Vít khóa/ đi hướng tự taro/ tự khoan, đường kính 3.5/ 4.0mm, dài 12-18mm. Đặc tính kỹ thuật: Nẹp mỏng 1.7mm. Cơ chế khóa riêng lẻ, lực khóa vít 126N, độ cong nẹp R120/ R200. Sử dụng vít khoá đơn hướng/ đa hướng, tự taro/ tự khoan Tiêu chuẩn: ISO, CFG.	Cái/ gói	Cái	4
PCS22	Vít cổ sau đường kính : 3.5mm/4.0mm (các cỡ)	Chất liệu: Titanium alloy, đạt chuẩn ASTM F136 Kích Thước: Đường kính : 3.5mm/4.0mm, dài 22 -40mm. Đặc tính kỹ thuật: Góc xoay : vít L10-20mm, góc xoay 92°, vít L22-40mm, góc xoay 77°, vít đầu đài góc xoay 88°. Đầu vít : dài 10.5mm, đường kính 9.4mm, đoạn tub vít đầu dài 5.5mm. Vít tự taro, đầy ren/ 1 phần ren. Đầu ngắn/ dài chính mọt. Thân vít: vít đầy ren (L10-20mm) lõi 2.4mm, (L22-40mm) lõi 3.0mm, vít 1 phần ren lõi 2.6mm. Tương thích nắp khóa trong cổ Kích thước : M7 * 1.0P Tiêu chuẩn : ISO, CFG	Cái/ gói	Cái	20
PCS23	Nắp khóa trong vít cổ sau (các cỡ)	Chất liệu: Titanium, đạt chuẩn AS1M F136 Kích thước : M7 * 1.0P Đặc tính kỹ thuật: Nắp khóa trong vít cổ sau Tương thích Vít cổ sau đường kính 3.5mm/4.0mm dài các cỡ Tiêu chuẩn : ISO, CFG.	Cái/ gói	Cái	20
PCS24	Nẹp đọc cổ sau dài 100mm (các cỡ)	Chất liệu: Titanium alloy , đạt chuẩn ASTM F136 Kích thước: đường kính 3.5mm, dài 100mm. Tương thích vít cổ sau . Đặc tính kỹ thuật: Tương thích Vít cổ sau đường kính : 3.5mm/4.0mm. Tiêu chuẩn : ISO, CFG.	Cái/ gói	Cái	3

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng đề xuất
PCS25	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại cong các cỡ	Chất liệu: PEEK đạt chuẩn ASTM F2026. Kích thước: dài 26mm/28mm/30mm/32mm, rộng 11mm, cao 7-16mm Đặc tính kỹ thuật: các điểm đánh dấu Tantalum (per ASTM F560) 2 điểm trên miếng ghép cho phép quan sát và kiểm soát vị trí miếng ghép trong phẫu thuật thông qua màn hình tăng sáng Thiết kế đầu nhỏ & thuôn nhọn độ cứa 0°, 4°, 8° Khoang ghép xương rộng. Đóng gói tiệt trùng sẵn. Tiêu chuẩn: ISO,CFG.	Cái/ gói	Cái	100
PCS26	Vít cột sống lưng đầu nhỏ (các cỡ) kèm vít khóa trong	Chất liệu: Titanium 6Al-4V ELI Alloy, đạt chuẩn ASTM F136 Kích thước: - Đầu vít nhỏ : đơn trục 15.2mm, đa trục 16.2mm, vít đa trục góc xoay 45 độ - Thân vít : đường kính 4.5/ 5.5/ 6.5/ 7.5/ 8.5mm, chiều dài 20mm-150mm Đặc tính kỹ thuật: Đầu vít sử dụng được loại rod 5.5 và 6.0mm. Mũi vít tự taro. Trục vít & lõi vít dày, cứng cáp, chống gãy. Vít có thiết kế ren đôi, lõi hình nón, 2 phần ren giúp bám vững chắc chắn. Vít được mã hóa màu để nhận diện kích cỡ, kèm vít khoá trong hình sao Tiêu chuẩn: ISO, CFG.	Cái/ gói	Bộ	100
PCS27	Vít cột sống lưng đầu dài cho chỉnh trượt (các cỡ)	Chất liệu: Titanium Alloy, đạt chuẩn ASTM F136 Kích thước : - Đầu vít : đơn trục 27.2mm/ đa trục 28.2mm, đoạn tab bẻ dài 12mm, vít đa trục góc xoay 45 độ - Thân vít : đường kính 4.5mm/ 5.5mm/ 6.5mm/ 7.5mm/ 8.5mm, chiều dài 20mm-150mm Đặc tính kỹ thuật: Đầu vít sử dụng được loại rod 5.5mm và 6.0mm. Mũi vít tự taro. Trục vít & lõi vít dày, cứng cáp, chống gãy. Vít có thiết kế ren đôi, lõi hình nón, 2 phần ren giúp bám vững chắc chắn. Vít được mã hóa màu để nhận diện kích cỡ, kèm vít khoá trong hình sao' Tiêu chuẩn: ISO, CFG	Cái/ gói	Bộ	10
PCS28	Nẹp dọc cột sống lưng dài 40-200mm	Chất liệu: Titanium 6Al-4V ELI Alloy, đạt chuẩn ASTM F136 Kích thước: - Thanh dọc trơn thẳng : dài 40 - 200mm (tăng 10mm), đường kính 5.5mm, 6.0mm - Thanh dọc uốn sẵn: dài 40-120mm (tăng 10mm), bán kính cong R155, đường kính 5.5mm,6.0mm Đặc tính kỹ thuật: Thanh dọc loại trơn thẳng & loại uốn sẵn, Tương thích vít Đầu vít nhỏ : đơn trục 15.2mm, đa trục 16.2mm Tiêu chuẩn: ISO, CFG.	Cái/ gói	Cái	10
PCS29	Nẹp dọc dài 300 - 500mm	Chất liệu: Titanium 6Al-4V ELI Alloy, đạt chuẩn ASTM F136 Kích thước: Thanh dọc trơn thẳng : dài 300 - 500mm (tăng 50m), đường kính 5.5mm, 6.0mm Đặc tính kỹ thuật: Thanh dọc loại trơn, thẳng, Tương thích vít Đầu vít nhỏ : đơn trục 15.2mm, đa trục 16.2mm Tiêu chuẩn: ISO, CFG.	Cái/ gói	Cái	4

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng dự trù
PCS3	Vít cột sống đa trục	Vật liệu: Hợp kim Titanium - Cánh ren ngược - Vít có đường kính: 4.0 - 8.5mm, chiều dài từ 20 - 65mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm - Chiều cao mũ vít 16.1mm - Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9.2mm - Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm - Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu ≥13.13mm Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 Cái / Gói	Cái	80
PCS30	Nẹp nối ngang cột sống lưng	Chất liệu: Titanium 6Al-4V ELI Alloy, đạt chuẩn ASTM F136 Kích thước: Chiều dài: 30-34mm/ 34-42mm/ 40-53mm/ 50-70mm Đặc tính kỹ thuật: Nẹp nối ngang nối 2 khối vít, có móc 2 đầu có thể điều chỉnh độ dài, dùng cho cột sống lưng Tiêu chuẩn: ISO, CFG.	Cái/ gói	Cái	20
PCS31	Nẹp nối rod/ vít cột sống lưng	Chất liệu:Ti-6Al-4V ELI, đạt chuẩn ASTM F136 Kích thước: - Loại Thanh nối thanh dọc ngang : các cỡ 20/22/24/26mm. Tương thích vít đường kính 5.5mm - 6.35mm. 2 đầu mở - Loại nối vít cánh chậu : các cỡ 15/20/25/30/35/40mm, 2 loại mở đóng Đạt tiêu chuẩn : ISO, CFG.	Cái/ gói	Cái	4
PCS32	Vít cột sống đầu nhỏ 2 ren, kèm vít khóa trong	Chất liệu: Hợp kim titan (Ti-6Al-4V) Đường kính: 4.0 – 8.5mm (bước tăng 0,5mm). Chiều dài: 25 – 150mm (bước tăng 5mm). Góc mở tối đa: 36°. Chiều cao đầu vít: 14.2mm Đầu vít hình tulip thấp sử dụng loại rod 5.5mm. Ren chia 2 phần: ren xương cứng và ren xương xốp riêng biệt. Mũi vít tự taro. Có phân biệt kích thước bằng mã màu. Kèm vít khóa trong hình ngôi sao, đường kính 9.3mm, cao 4.6mm. Tiêu chuẩn: CE, FDA	Cái/ gói	Bộ	20
PCS33	Xương nhân tạo, dạng hạt 1–4mm, 10cc	Chất liệu 60%sHA + 40% TCP, macroporosity : 200-800 µm, microporosity 1.0-10 µm, porosity: 81%, độ vững chắc 5.5-7.5 MPa, tiệt trùng đạt chuẩn CE, dung tích 10cc	Hộp/ gói	gói	10

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng dự toán
PCS34	Bộ bơm xi măng không bóng 2 kim	Bao gồm : 01 gói xi măng Chất liệu: Là xi măng cản quang gốc Acrylic (poly-methyl-methacrylate, PMMA) bao gồm 2 thành phần: thành phần bột và thành phần dung dịch Kích thước: trọng lượng 20gr/ gói Đặc tính kỹ thuật: Tổng thời gian làm việc của xi măng khoảng 08 phút từ khi tiến hành trộn. Thời gian trộn khoảng 45 giây đến 1 phút. Nồng độ chất cản quang Zirconium dioxide (ZrO_2) là 45%. Được đóng gói tiệt trùng. 01 bộ trộn: Chất liệu: xi măng gốc Acrylic, được chế tạo bằng vật liệu không có cao su. Kích thước: Bộ trộn này cho phép chuẩn bị tới 40g Đặc tính kỹ thuật:Bộ trộn xi măng kín kèm theo xi lanh bơm, Bao gồm 01 bộ trộn, 01 phễu rót, 04 xi lanh (với tay cầm cứng) để bơm xi măng. 01 bộ bơm: Sống bơm áp lực cao dùng để bơm xi măng vào thân đốt sống. Tay vặn chữ T có ren rỗng cho phép kiểm soát tốt quá trình bơm trong điều kiện áp suất cao. Bơm mang đến cho phẫu thuật viên cửa sổ quan sát rộng trong quá trình thao tác. Thân bơm có vạch chia dung tích chứa xi măng. Xi-lanh bơm được thiết kế tách rời với tay cầm giúp cho việc hút xi măng được dễ dàng. Trên bơm có thiết kế cũng tắc để có thể dừng quá trình bơm bất cứ lúc nào cũng như giảm áp lực bơm khi cần thiết. 02 kim : Chất liệu: Kim được chế tạo hoàn toàn bằng vật liệu thép không rỉ AISI 304. Kích thước: Thân kim có cỡ 11G, chiều dài từ 120 - 150mm Đặc tính kỹ thuật:Các vạch đo độ sâu trên thân kim cho phép quan sát và định vị chính xác vị trí của kim trong quá trình phẫu thuật. Đầu kim được chế tạo với dạng vát. Tiêu chuẩn: ISO; CE	1Hộp/ gói	Bộ	10
PCS35	Vít đa trục bơm xi măng cố định cột sống lưng Distomp	- Vít đa trục rỗng nòng kèm ốc khóa, trên thân vít có 2 bước ren, phần ren đôi có khoảng cách bước ren 3mm, phần ren 4 có khoảng cách bước ren 1.5mm, mũi vít tự taro. Góc cổ vít và thân vít chuyển động đa hướng lên tới 61 độ, chiều cao mũ vít 14.2mm, đường kính trong mũ vít 6.1mm, phần ren cao 5.2mm, mũ vít có bước ren vuông. Thân vít có lỗ, đường kính rỗng nòng 1.75mm. - Vít có các đường kính 4.5mm, 5.5mm, 6.0mm, 6.5mm, 7.5mm, chiều dài 25mm-90mm (bước tăng 5mm). Tương thích với thanh dọc đường kính 5.5mm và 6.0mm. - Vít được cung cấp kèm ốc khoá trong - Tiêu chuẩn chất lượng ISO; EC và CFS	Cái/ túi	Cái	80
PCS36	Vít đa trục cột sống lưng ngực Distomp ren đôi	- Chất liệu hợp kim titanium. Vít đa trục kèm ốc khóa bước ren đôi, khoảng cách bước ren 3mm, mũi vít tự taro. Góc cổ vít và thân vít chuyển động đa hướng lên tới 61 độ, chiều cao mũ vít 14.57mm, đường kính trong mũ vít 5.7mm, phần ren cao 5.2mm, mũ vít có bước ren vuông. - Vít có các đường kính 4.5mm, 5.5mm, 6.0mm, 6.5mm, 7.5mm, chiều dài 25mm-90mm (bước tăng 5mm). Tương thích với thanh dọc đường kính 5.5mm. - Vít được cung cấp kèm ốc khoá trong - Tiêu chuẩn chất lượng ISO; EC và CFS	Cái/ túi	Cái	20

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật chuẩn tương đương hoặc ưu việt hơn	Quy cách	ĐVT	Số lượng dự toán
PCS37	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng loại cong	Chất liệu PEEK-OPTIMA, trên thân có răng hình kim tự tháp để cải thiện ổn định cấy ghép. Có ba điểm đánh dấu tantalum. - Chiều dài 25mm có chiều cao 7-13mm (bước tăng 1mm) với chiều rộng là 11mm và độ uốn là 4°. - Chiều dài 30mm và 35mm có chiều cao 7-14mm (bước tăng 1mm) với chiều rộng là 13mm và độ uốn là 4° và 9°. Tiêu chuẩn chất lượng ISO; EC và CFS	Cái/ lọ	Cái	15
PCS38	Nẹp dọc cột sống lưng ngực Distimp	Chất liệu hợp kim titanium - Đường kính 5.5mm. Mũ hình viên đạn không gây chấn thương, đuôi có lỗ lục giác để chỉnh dọc. Trên thân có vạch đánh dấu để cân chỉnh dọc. - Chiều dài: 40-240mm (bước tăng 10mm); 500mm Tiêu chuẩn chất lượng ISO; EC và CFS	Cái/ túi	Cái	10
PCS39	Nẹp ngang	5 size từ 40-80mm. Chất liệu hợp kim Titanium alloy (TA6V-Eli) - Tương thích với thanh Ø5.5 và 6.0mm - Điều chỉnh theo chiều ngang - Có thể định vị siết vào thanh Tiêu chuẩn chất lượng ISO; EC và CFS	Cái/ túi	Cái	10
PCS4	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo	Vật liệu: PEEK - Dầu hình viên đạn, có răng. - Số điểm đánh dấu cản quang: ≥ 4 điểm - Chiều dài: 25 - 30mm - Chiều cao: 7 - 15mm - Chiều rộng trước /sau: 10mm - Độ uốn: ≤ 6 độ - Diện tích bề mặt 133mm² - 156mm² - Khoang ghép xương từ: 0.3 - 1.17 cc. - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Có 2 đầu gắn dụng cụ để đặt gắn thẳng 0 độ hoặc gắn nghiêng 15 độ - Nhận biết khi đặt đĩa đệm buồn chính: Sau khi đặt vào đĩa đệm bệnh nhân sẽ chụp hình ảnh X quang (Lateral hình chữ H, A/P là 3 đường thẳng song song) Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 Cái / 1Hộp	Cái	20
PCS40	Kim chọc dò	* Kim chọc dò đốt sống - Cung cấp ba loại kim phẫu thuật đốt sống mới (11G & 13G). • Loại tiêu chuẩn: dành cho thủ thuật phẫu thuật đốt sống qua da • Loại Confort: dùng cho thủ thuật phẫu thuật đốt sống qua da có hướng dẫn. • Loại Confort Biopsy: dành riêng cho thủ thuật phẫu thuật đốt sống qua da có hướng dẫn và thủ thuật sinh thiết Chiều dài 125mm, có 2 kích cỡ 11G và 13G. Sản phẩm đóng gói tiệt trùng sẵn * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và CFS	Cái/gói	Cái	10

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng đề xuất
PCS5	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng	Nẹp dọc cứng đường kính 5,5mm: - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Dài ≥ 500mm, trong đó bao gồm đầu ≥ 6mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. - Có 2 đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 Cái / Gói	Cái	20
PCS6	Ốc khóa trong cho vít cột sống ngực lưng hai bước ren	Vật liệu: Hợp kim Titanium - Vít đầu tù - Cánh ren ngược, tự ngắt khi vặn đủ lực - Đường kính: 7.863mm - Chiều cao ban đầu: 12.96mm - Chiều cao sau khi bẻ vít: 4.85mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren: 0.9mm - Đồng bộ với hệ thống vít đa trục/ đơn trục 2 bước ren và nẹp dọc đường kính 4.75mm Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 Cái / Gói	Cái	20
PCS7	Vít đa trục cột sống ngực lưng hai bước ren	Vật liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính từ 4.0 - 8.5mm phân biệt được bằng màu sắc - Chiều dài từ 20mm-60mm - Chiều cao mũ vít 14.8mm - Chiều rộng phần mũ vít 10.43mm - Vít có 2 bước ren: phần ren xương xốp phía đầu vít với khoảng cách giữa 2 bước ren là 4mm và phần ren xương cứng phía mũ vít với khoảng cách giữa hai bước ren là 2mm. - Ren mở rộng đến đầu thon - Đồng bộ với ốc khóa trong tự gãy có chiều cao ban đầu là 12.96mm và nẹp dọc đường kính 4.75mm Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 Cái / Gói	Cái	20
PCS8	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng vật liệu hợp kim Cobalt Chrome 4,75mm	Vật liệu: Cobalt Chrome Plus - Đường kính 4.75mm, chiều dài 500mm, loại thẳng - Đồng bộ với vít đơn trục/ đa trục 2 bước ren và ốc khóa trong tự gãy có đường kính 7,863mm, chiều cao ban đầu 12.96mm, chiều cao còn lại sau khi vặn đủ lực là 4.85mm	1 Cái / Gói	Cái	10
PCS9	Thanh nối ngang	Vật liệu: hợp kim Titanium - Nẹp nối ngang tương thích với đường kính nẹp dọc 5.5mm - Chiều dài từ khoảng 9.5mm - 75mm (0.375 inch - 2.95 inch). - Kèm theo 02 ốc khóa trong để siết chặt vào thanh dọc đường kính 5.5mm. - Màu sắc: màu xanh đa trời, ốc khóa trong màu vàng	1 Cái / Gói	Cái	15

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng dự toán

DANH MỤC VẬT TƯ PHỤC VỤ PHẪU THUẬT THAY KHỚP

STT	Tên VTYT thuộc tương đương	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
1	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng MOHO	Bảo tồn xương và mô xung quanh, độ gập duỗi tối đa 150° 1. Lồi cầu đùi: - Chất liệu hợp kim CoCr, loại lồi cầu đùi trái phải với 15 size, 10 kiểu chuẩn (PS) và 5 kiểu mở rộng (PS+) đối với size 3N, 4N, 5N, 6N, 7N 2. Mâm chày: - Chất liệu Ti-6Al-4V với 9 kích cỡ sử dụng chiều ngang: 58, 61, 64, 67, 70, 74, 77, 80 và 85mm; chiều sâu (trước sau): 38, 40, 42, 44, 46, 49, 52, 55 và 59mm. 3. Lớp đệm mâm chày: - Kiểu chuẩn (PS) và kiểu mở rộng (PS+); chất liệu liên kết chéo + vitamin E, kích thước từ 9 -25mm với 8 độ dày 4. Bánh chè: - Chất liệu polyethylene gồm 6 kích cỡ 27; 29; 32; 35; 38; 41mm, độ dày 7.5; 8.5; 9; 9.5; 10mm 5. Xi măng: - Đóng gói tiệt trùng, kèm dung dịch pha. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	5 cái/ bộ	Bộ	10
4	Khớp háng toàn phần không xi măng Aria Ceramic on Poly	1. Cuống xương đùi: - Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti6Al4V), phủ bên ngoài Titanium-Plasma rỗ tổ ong. Độ dày của lớp phủ 195-255µm - Có 2 loại cuống có tiêu chuẩn và độ đi lệch cao, góc cổ chuôi 132°, chèn dễ dàng trong kỹ thuật xâm lấn tối thiểu phù hợp cho đường mổ nhỏ lối trước. Cổ chuôi 12/14mm được đánh bóng gương - Có 13 size: từ 0-12, chiều dài chuôi từ 128-163mm. - Độ bền kéo ≥22 MPA, độ bền cắt ≥22 MPA. - Thân khớp hình thon, có rãnh dọc chống xoay 2. Đầu xương đùi: - Vật liệu: Ceramic, không ăn mòn, không giải phóng Ion kim loại - Dạng hình cầu chính xác, bề mặt được đánh bóng. - Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm, 40mm phù hợp với đường kính trong lớp đệm (lót), có các size -3.5; 0; +3,5; +4; +7; +8. 3. Ổ cối: - Vật liệu: Titanium, bên ngoài được phủ một lớp Hidroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron - Độ kết tinh >80%; Tỉ lệ Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) >70%. Độ nhám lớp phủ Hydroxyapatite (HA) 40 micron. - Kích cỡ từ 44-70 với mỗi bước tăng 2mm. 4. Lớp đệm: - Vật liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo, chiếu xạ tia Gramma ở 7.5, khử trùng ETO. - Kiểu nghiêng 0°, 10°, 20° để chống trật. Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. 5. Vít ổ cối: vật liệu Titanium, tự taro. Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm . * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	5 Hộp / Bộ	Bộ	6

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
5	Khớp háng toàn phần không xi măng Origin Ceramic on Ceramic	1. Cuống xương đùi: - Làm bằng hợp kim Titanium (Ti6Al4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA) ≥70%. - Góc cổ thân 125° đến 135° Chuôi hình ê-líp tăng biên độ chuyển động, có rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay - Có 11 size với mỗi bước tăng 1 size/chiều dài thân chuôi: 116-181 - Độ bền kéo >15MPA. Tỉ lệ Ca/P 1.67 2. Đầu xương đùi: - Vật liệu: Ceramic, không ăn mòn, không giải phóng ion kim loại - Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm, 40mm phù hợp với đường kính trong lớp đệm (lót), có các size -3.5; 0; +3.5; +4; +7; +8 3. Ổ cối: - Vật liệu: Titanium, bên ngoài được phủ một lớp Hidroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. - Độ kết dính ≥80%; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) >70%. Độ nhám lớp phủ Hydroxyapatite (HA) 40 micron - 3 lỗ hoặc nhiều lỗ bắt vít cố định ổ cối. 12 gờ tự định vị, tự khóa và chống xoay lớp đệm (lót) trong viền ổ cối. Đáy ổ cối có vít chống thấm dịch hoặc thiết kế tương đương. Kích cỡ từ 44-70 với mỗi bước tăng 2mm 4. Lớp đệm: - Vật liệu: Ceramic, không giải phóng ion kim loại - Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm - Đường kính ngoài phù hợp với các size của ổ cối. 5. Vít ổ cối: vật liệu Titanium, tự taro. Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	5 Hộp / Bộ	Bộ	6

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
6	Khớp háng toàn phần không xi măng Origin Ceramic on Poly	1. Cuống xương đùi: - Làm bằng hợp kim Titanium (TiAL4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA), hàm lượng HAP ≥70% - Góc cổ thân 125° đến 135° Chuôi hình ê-líp tăng biên độ chuyển động, có rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay - Có 11 size với mỗi bước tăng 1 size/chiều dài thân chuôi: 116-181 - Độ bền kéo >15MPA, Ca/P 1.67 2. Đầu xương đùi: - Vật liệu: Ceramic, không ăn mòn, không giải phóng ion kim loại. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm, 40mm phù hợp với đường kính trong lớp đệm (lót). - Có các size -3,5; 0; +3,5; +4; +7; +8 3. Ổ cối: - Vật liệu: Titanium, bên ngoài được phủ một lớp Hidroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. - Độ kết dính ≥80%; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) >70%. Độ nhám lớp phủ Hydroxyapatite (HA) 40 micron - 3 lỗ hoặc nhiều lỗ bắt vít cố định ổ cối. 12 gờ tự định vị, tự khóa và chống xoay Liner trong viền ổ cối. Dây ổ cối có vít chống thấm dịch - Kích cỡ từ 44-70 với mỗi bước tăng 2mm 4. Lớp đệm: - Vật liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo, chiếu xạ tia Grama σ 7.5, khử trùng ETO. Kiểu nghiêng 0°, 10°, 20° để chống trật. - Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm 5. Vít ổ cối: vật liệu Titanium, tự taro. Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm * Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	5 Hộp / Bộ	Bộ	5
9	Khớp háng bán phần không dùng xi măng	1. Chuôi khớp háng: - Chất liệu Ti-6Al-4v - Kích thước thân 96mm, 99mm, 102mm, 105mm, 108mm, 111mm, 114mm, 117mm, 120mm, 123mm, 126mm. 2. Đầu xương đùi: - Vật liệu Cobalt Chrome - Đường kính 22mm, 28mm, 32mm, 36mm 3. Chỏm bán phần: - Chất liệu CoCrMo, bên trong là lớp đệm Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), kích thước 38mm-68mm (bước tăng 1mm), có kèm khoá chống trật. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA, CFS	3 cái/ bộ	Bộ	7

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
12	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng	1. Lồi cầu lăn trên lớp đệm. - Chuyển động xoay 1 góc 15 độ, bán kính góc ổn định 0-90 độ. Độ gập gối 145 độ -8 cỡ lồi cầu đùi: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8 - Độ rộng mặt trên (A/P): 59, 61, 64, 66, 70, 73, 77, 80mm - Độ dài mặt trên (M/L): 51, 54, 57, 60, 64, 68, 72, 76 mm 2. Mâm chày: - Chất liệu Cobalt Chrome/Titanium bề mặt nhám tạo độ kết dính với xi măng và xương - Mâm chày phải cho chân phải và trái cho chân trái. - Có 11 kích cỡ (size): 1, 2, 2+, 3, 4, 5, 6, 6+, 7, 8, 8+ - Độ rộng mặt trên (A/P): 40, 43, 46, 49, 52, 55, 58, 61, 64mm - Độ dài mặt trên (M/L): 54, 58, 62, 66, 70, 74, 78, 82, 86mm - Chiều dài thân: 31; 34; 35; 38; 41; 43; 50mm 3. Lớp đệm: chất liệu Polythylene cao phân tử có 6 size, độ dày 10; 12; 14; 17; 20; 24mm. 4. Bánh chè: chất liệu Polythylene cao phân tử, kiểu vòm, loại không chân và 3 chân - Có 8 kích cỡ về độ dày và đường kính: 25 x 7 mm; 25 x 9 mm; 26 x 8,0 mm; 28 x 7,0mm; 28 x 9,0mm; 29 x 8,0mm; 32 x 8,0 mm; 35 x 8,0 mm; 38 x 10 mm; 41 x 11,0 mm. 5. Xi măng: Đóng gói tiệt trùng kèm dung dịch * Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	5 cái/ bộ	Bộ	15
13	Bộ khớp gối toàn phần EVOLUTION kiểu PS bảo tồn xương có xi măng	1. Lồi cầu: - Chất liệu Cobalt Chrome, kiểu chữ J, bề mặt trong nhám, phủ dạng sợi tăng độ kết dính của xi măng và xương - Bán kính góc ổn định 0-90 độ, có 6 size từ 1 đến 6. 2. Lớp lót: - Chất liệu Polyethylene cao phân tử chuyển động xoay sâu 1 góc 15 độ - Mặt trước được nâng lên, mặt sau hạ thấp hỗ trợ tốt cho đường gấp duỗi của dây chằng chéo sau và tạo độ ổn định phía trước, có 6 size với độ dày khác nhau. 3. Mâm chày: - Chất liệu Cobalt Chrome/Titanium - Bề mặt nhám tạo độ kết dính với xi măng và xương, có 6 size chuẩn và 5 size cộng, có khóa trong khớp cố định 4. Bánh chè: chất liệu Polyethylene cao phân tử, kiểu mặt vòm, dày 8-10mm trượt trên lồi cầu theo đường có góc nghiêng 3,6 độ 5. Xi măng: đóng gói tiệt trùng, kèm dung dịch pha. * Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	5 cái/ bộ	Bộ	10

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
14	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi cổ liền	1. Đầu tường cực: - Chất liệu Cobalt Chrome bề mặt chịu lực polyethylene liên kết chéo - Đường kính từ 36mm đến 65 mm với mỗi kích cỡ tăng 1mm - Phạm vi chuyển động 100° - Lớp lót chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), có vòng hỗ trợ Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) bên trong vỏ cố định và có vòng khóa Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) lắp ráp phía trên vòng hỗ trợ. 2. Đầu xương đùi: làm bằng Cobalt Chrome, đường kính 22, 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm,+3,5mm, +7mm,+10.5mm). 3. Cuống xương đùi: - Chất liệu Titanium/Cobalt Chrome - Góc cổ cổ điển 8° là 127 độ với độ dị lệch cổ chuôi: cổ ngắn (37-48mm), cổ dài (45-57mm), góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ dị lệch cổ chuôi: cổ ngắn (34-45mm), cổ dài (41-53mm). - Thân chuôi Titanium phun lớp Plasma (0.5mm) - Kích cỡ: 1-12, chiều dài: 130, 132, 135, 142, 144, 147, 150, 151, 154, 159, 166, 172mm. Khoảng cách trong-ngoài 27.3-39.2mm; độ dày trước-sau 12.8-14.7mm. Cổ côn 12/14. * Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	3 cái/ bộ	Bộ	30
16	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuôi cổ rời	1. Ổ cối: - Hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan Hydroxyapatite (HA) độ xốp 30% độ dày 114µm - Có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy thuộc vào kích thước ổ cối, có vòng nhẫn khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm-68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm. 2. Lớp lót bằng liên kết chéo siêu bền có bổ sung Vitamin E tăng khả năng chịu mài mòn, có bờ chống trật 0 độ; 15 độ 3. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm, +3.5mm, +7mm, +10.5mm) với taper 12/14 4. Cổ rời: - Có 10 cỡ có nút điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, cổ chuôi đầu gắn chóm đường kính 12/14 (góc 5o42'30") 5. Cuống xương đùi Titanium có rãnh dọc chống xoay, rãnh ngang chống lún, phun lớp Plasma (0.5mm) - Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125-175mm. Độ dị lệch cổ chuôi: Cổ ngắn (35-42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42-49mm). Khoảng cách trong-ngoài 27-36mm - Độ dày trước-sau 12-19mm. Góc cổ 127, 135 độ. 6. Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có chiều dài từ 15-50mm * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	6 cái/ bộ	Bộ	5

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
17	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuôi cổ rời Ceramic on Ceramic	1. Ổ cối: - Hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14° - Chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan Hydroxyapatite (HA) độ xốp 30% độ dày 114µm. - Có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tuỳ kích thước ổ cối, có vòng nhẫn khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm-68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm 2. Lớp lót: bằng Ceramic, có bờ chống trật 0 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định. Đường kính 42-68mm 3. Đầu xương đùi: đường kính các cỡ 28, 32, 36, 40mm. Lõi điều chỉnh được (+0mm, +3,5mm,+4mm). 4. Cổ rời: - Có 10 cỡ cổ rời điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài - 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, có chuôi dẫu gắn chặt đường kính cổ côn 12/14 (góc 5°42'30") 5. Cuống xương đùi Titanium có rãnh dọc chống xoay, rãnh ngang chống lún, phun lớp Hydroxyapatite (HA) (180µm) - Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125-175mm. Độ dị lệch cổ chuôi: Cổ ngắn (35-42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42-49mm). Khoảng cách trong-ngoài 27-36mm; độ dày trước-sau 12-19mm - Có 5°42'30" côn 12/14. Góc cổ 127, 135 độ. 6. Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có chiều dài từ 15-50mm * Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	6 cái/ bộ	Bộ	8
18	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuôi cổ rời Ceramic on PE	1. Ổ cối: - Hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14° - Chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan Hydroxyapatite (HA) độ xốp 30% độ dày 114µm, có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tuỳ thuộc vào kích thước ổ cối, có vòng nhẫn khóa lớp lót, đường kính các cỡ từ 46mm-68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm 2. Lớp lót bằng liên kết chéo, có bờ chống trật 0 độ 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định. 3. Đầu xương đùi: có đường kính các cỡ 28, 32, 36, 40mm. Lõi điều chỉnh được (-5.5, -2, +0, +1.5, +3.5, +4mm 4. Cổ rời làm bằng Titanium/Cobalt-Chrome, góc cổ chuôi có thể điều chỉnh chiều dài và các góc từ 127 độ, 135 độ, 143 độ - Chiều dài cổ chuôi: 27mm-38.5mm 5. Cuống xương đùi: - Chất liệu Titanium/Cobalt Chrome - Góc cổ cổ điển 8° là 127 độ với độ dị lệch cổ chuôi: Cổ ngắn (35-42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42-49mm). Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ dị lệch cổ chuôi: Cổ ngắn (38-45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46-53mm) - Thân chuôi Titanium, phun lớp Plasma (0,5mm) hoặc phủ lớp Hydroxyapatite. - Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm, khoảng cách trong ngoài 27-36mm; độ dày trước-sau 12-19mm. Có côn 12/14 6. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15- 50mm. * Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	6 cái/ bộ	Bộ	8

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
19	Khớp háng toàn phần không xi măng	1. Ổ cối: - Hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày 114µm - Có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy kích thước ổ cối, có vòng nhẵn khóa lớp lót. - Gồm đường kính các cỡ từ 46mm-68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm 2. Lớp lót: bằng liên kết chéo, có bờ chống trật 0 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định. Đường kính 42-68mm 3. Đầu xương đùi: đường kính các cỡ 28, 32, 36, 40mm. Lõi điều chỉnh được (-5,5, -2, +0, +1,5, ±3,5, ±4)mm 4. Cuống xương đùi: - Chất liệu Titanium/Cobalt Chrome - Góc cổ cổ điển 8o là 127 độ với độ đi lệch cổ chuôi: Cổ ngắn (35-42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42-49mm). Góc cổ tăng cổ điển là 135 độ với độ đi lệch cổ chuôi: Cổ ngắn (38-45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46-53mm) - Thân chuôi Titanium, phun lớp Plasma (0.5mm) hoặc phủ lớp Hydroxyapatite. - Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm, khoảng cách trong ngoài 27-36mm; độ dày trước-sau 12-19mm. Côn 12/14 - Độ dày trước-sau 12-19mm. Góc cổ 127, 135 độ. 6. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	5 cái/ bộ	Bộ	5
20	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuôi cổ rời	1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày 114µm, có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy kích thước ổ cối, có vòng nhẵn khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm-68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm. 2. Lớp lót bằng liên kết chéo có bổ sung vitamin E, có bờ chống trật 0 độ; 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định. 3. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm, ±3,5mm, +7mm, +10,5mm) với cổ côn 12/14 4. Cổ rời: Có 10 cỡ có modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, cổ chuôi đầu gắn chóm đường kính cổ côn 12/14 (góc 5°42'30"). 5. Cuống xương đùi Titanium có rãnh dọc chống xoay, rãnh ngang chống lún, phun lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125-175mm. Độ đi lệch cổ chuôi: Cổ ngắn (35-42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42-49mm). Khoảng cách trong ngoài 27-36mm; độ dày trước-sau 12-19mm. Góc cổ 127, 135 độ. 6. Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có chiều dài từ 15-50mm * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	6 cái/ bộ	Bộ	5

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
21	Khớp háng bán phần không xi măng UHL - PAVI	1. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): - Tự khoá - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: titanium và hydroxyapatite - Góc cổ chuôi 135 độ, cổ chuôi 12/14, 5 độ 40 phút, hình ê-líp và được đánh bóng gương - Kích cỡ: size x chiều dài: 8-16 x 87-170mm - Tiệt trùng 2. Ổ cối bán phần: - Vật liệu: bề mặt ngoài bằng thép không gỉ, đánh bóng, độ nhám <0,5µm, bề mặt bên trong bằng polyethylene - Ổ cối có cơ chế khóa răng chống trật khớp - Kích cỡ: đường kính: 38-60 bước tăng 2 tương ứng chỏm đường kính 22.2mm, đường kính: 42-60 bước tăng 2 tương ứng chỏm đường kính 28mm 3. Đầu xương đùi (chỏm): - Vật liệu: Thép không gỉ - Kích cỡ: 12/14 đường kính 22.2mm (0, +3), 12/14 đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5, +7) * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Hộp/ cái	Bộ	10
22	Khớp háng toàn phần không xi măng QUATTRO PNP, Metal on Poly (MOP)	1. Đầu xương đùi (chỏm): - Vật liệu: Thép không gỉ - Chỏm và lớp đệm được đóng thành 1 khối, chỏm chuyển động bên trong lớp đệm, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối, tạo thành chuyển động kép - Kích cỡ: 12/14 đường kính 22.2mm (0, +3), 12/14 đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5, +7) 2. Lớp đệm: - Vật liệu: Polyethylene - Kích cỡ: 44-60 bước tăng 2 tương ứng chỏm đường kính 22.2mm, 48-60 bước tăng 2 tương ứng chỏm đường kính 28mm 3. Ổ cối: - Vật liệu: Hợp kim Cobalt-Chromium-molybdenum - Phủ 2 lớp: titanium 120µm và hydroxyapatite 80µm - Vành ngoài có 6 đinh cố định chống xoay, đỉnh ổ cối có 4 đinh chống lật và xoay - Bề mặt bên trong được đánh bóng, có độ nhám <0.05µm - Chèn đông ổ cối được gắn sẵn với cup - Kích cỡ: 44-60mm với bước tăng 2mm - Đóng gói tiệt trùng 4. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): - Tự khoá - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: titanium và hydroxyapatite - Góc cổ chuôi 135 độ, cổ chuôi 12/14, 5 độ 40 phút, hình ê-líp và được đánh bóng gương - Kích cỡ: size x chiều dài: 8-16 x 87-170mm - Tiệt trùng bằng tia gamma * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Hộp/ cái	Bộ	10

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
23	Khớp gối toàn phần di động K-MOD,UC-MB	Khớp gối toàn phần di động Module bảo tồn sụn. - Lồi cầu: CoCrMo nghiêng trước 4° để giảm vết khía. Rãnh bánh chè 6 độ; Lồi cầu đùi và lớp đệm luôn luôn cùng kích thước. Có 18 cỡ trái phải: 12 cỡ chuẩn (6 cỡ trái/ phải); 6 cỡ hẹp (3 cỡ trái/ phải) Lồi cầu dày 9mm và không có cấu trúc hộp. Độ duỗi uốn gối trên 10° và gập tối đa; khớp cốt CAM 80° ở vị trí an toàn; ảnh chống trật khớp (Jump Height) trên 15mm. - Mâm chày di động: CoCrMo bóng như gương đoạn cuối có nút mâm chày (Tibial Plug), có 6 cỡ đồng dạng, dạng mô-đun hoàn hảo: bất kỳ cỡ nào của insert cũng đều tương thích với bất kỳ cỡ nào của mâm chày. Mâm chày tương thích với 28 cỡ cuống xương chày - Lớp đệm di động: Polyethylene cao phân tử, Kích cỡ: 6 cỡ từ 1-6, độ dày: 10, 12,14,16mm mặt trong lớp đệm hình cầu cho phép lồi cầu đùi xoay quanh trục trong lúc gập gối. Kiểu UC MOB, PS MOB. Dạng hy sinh/giữ lại dây chằng chéo sau, mặt trước nhô cao nhằm tránh khớp gối trượt ra phía trước; mỗi lớp đệm đều tương thích với tất cả các cỡ của mâm chày. * Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Hộp/ bộ	Bộ	5
24	Khớp gối toàn phần MOBILE GK	Khớp gối di động toàn phần 1.Lồi cầu đùi (Femoral Component): - Chất liệu: Cobalt-Chrome (ISO 5832-4). Kích cỡ: gồm 14 cỡ: 7 cỡ chuẩn và 7 cỡ hẹp mặt trong ngoài lồi cầu giảm 4mm - Đa trục, dạng chữ J: trục R1 giúp tiếp xúc tối đa với lớp đệm, giúp gối vững hơn; R2 giảm mức độ gối trượt về phía sau; R3 làm giảm bề mặt tiếp xúc khi gập gối hoàn toàn, 4° chêm mặt cắt trước. Độ dày đoạn xa 8mm và lồi cầu phía sau dày 8mm, gập 140°, khoảng cách trước sau 38-58mm; khoảng cách giữa 2 lồi cầu trong ngoài là 19mm. Rãnh xi măng 0.5mm. Dạng có thể điều chỉnh độ xoay trục +/-10 độ chống lại việc cắn 2 bên lồi cầu. 2. Mâm chày (Tibial Baseplate) - Chất liệu: Cobalt-Chrome (ISO 5832-4). Kích cỡ: 6 cỡ Trái và 6 cỡ Phải, đánh số từ 1-6. - Thiết kế không đối xứng trái-phải nhằm tăng cường tối đa độ che phủ xương. Cuống dài 34mm dịch chuyển về phía trước 5mm, dạng vay cá 130° rộng 45-55mm. Rãnh xi măng 0.5mm. 3. Lớp đệm (Tibial Insert): - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-2), loại STD, UC (tiêu chuẩn, siêu tương hợp). Kích cỡ: 6 cỡ có độ dày: 10, 12, 14, 17, 20mm hoặc dày 6, 8, 10, 13, 16mm - Cuống lớp đệm dài J=25,5mm. * Tiêu chuẩn ISO 13483, CE	Hộp/ bộ	Bộ	5

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
25	Khớp háng toàn phần không xi măng QUADRA 32	Khớp háng toàn phần không xi măng Metal on Poly 1. Cuống xương đùi (Stem): -Chất liệu:Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb(ISO 5832-11), sandbalsted 5µm và phủ HA 80µm. Kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ có ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN và 10 cỡ lateralised. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ trong dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm; góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 35.4mm-55.5mm - Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%c bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip 2. Đầu chỏm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Co-Cr-Mo (ISO 5832-12)/stainless steel. Kích cỡ: đường kính 28,32mm; gồm:S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5) 3. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Titanium-Vanadium alloy: Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm. Kích thước từ 42mm-64mm - Dạng Ellip dây bằng ngang, cấu trúc rãnh trên đường kính 0,7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, định hờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm 4.Lớp lót (Liner): - Chất liệu: UHMWPE HC Hooded/Flat . Kích cỡ: đường kính 28,32mm. - có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ, cỡ C, E, F, G 5. Vít ổ cối - Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm	Hộp/ bộ	Bộ	5
29	Khớp háng toàn phần không xi măng GB-SL X-Pore/ Ceramic on Ceramic	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic 1. Cuống xương đùi (Stem): - Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V), toàn bộ phủ HA OSPROVIT. Kích cỡ: 11cỡ từ 1-8 và 8.5-10, chiều dài: 1x127mm, 2x137mm,3x142mm , 4x147mm, 5x152mm, 6x157mm, 7x162mm, 8x167mm, 8.5x172mm, 9x177mm, 10x187mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 125° và 135°, Taper 12/14 (góc 5°42'30"). 2. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Ti6Al4V, phủ Titanium Y 367 và phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron); kích thước từ 44mm-72mm. - Có 3 vay cá ở vị trí 70 độ mỗi bên,chống xoay, bề mặt nhám tổ ong, 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ 3. Lớp lót (Liner): - Chất liệu: Ceramic Biolox Delta (ISO 6474), đường kính 32, 36mm. Đặc tính cơ học cao, chống mài mòn. 4. Đầu chỏm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Ceramic Biolox Delta (ISO 6474) đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, chỏm 32, 36mm. các cỡ: S(-3.5), L(+3.5), S(-4), M(0,0), L(+4); S,M,L 5. Vít ổ cối: Titanium, đường kính 6,5mm và dài 20-50mm. * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Hộp/ bộ	Bộ	5

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc ưu việt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
PK1	Khớp háng toàn phần nhân tạo chuyển động đôi không xi măng QUATTRO PNP, Ceramic on Poly (COP)	1. Chuôi xương đùi: loại tự khóa - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminium vanadium, phủ 2 lớp: Titanium ≥120µm và Hydroxyapatite ≥80µm - Góc cổ chuôi 135°, Côn 12/14 - 5°40' - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương - Có ≥9 kích cỡ (bước tăng 1), chiều dài từ 87-170mm. 2. Đầu xương đùi (chỏm) và Lớp đệm: - Đầu xương đùi (chỏm): + Vật liệu: alumina ceramic + Đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5) - Lớp đệm: + Vật liệu: Polyethylene + Kích cỡ: 48-60 (bước tăng 2) - Lớp đệm được lắp sẵn với chỏm tại hãng 3. Ổ cối: Ổ cối không bắt vít - Vật liệu: Hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum, phủ 2 lớp: Titanium ≥120µm và Hydroxyapatite ≥80µm - Mặt ngoài: quanh viền có ≥6 đỉnh, trên đỉnh có ≥4 đỉnh - Mặt trong: được đánh bóng cao với độ nhám <0,05µm - Có vành chống trật 5mm với ≥2 điểm đánh dấu - Có chén (đĩa) đồng lắp sẵn dưới áp lực chân không - Kích cỡ: 48-60 (bước tăng 2) * Tiệt trùng bằng tia Gamma * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7	Hộp/ cái	Bộ	5

STT	Tên VTYT (hoặc tương đương)	Tính năng, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách	ĐVT	Số lượng
PK2	Khớp háng toàn phần không xi măng CARGOS, Ceramic on ceramic, chỏm lớn đường kính 32-36mm	1. Chuôi xương đùi: Loại tự khoá - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminium vanadium, phủ 2 lớp: Titanium ≥120µm và Hydroxyapatite ≥80µm - Góc cổ chuôi 135°, Côn 12/14 - 5°40'. - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương - Có ≥9 kích cỡ (bước tăng 1), chiều dài từ 87-170mm 2. Ổ cối: - Vật liệu: Hợp kim titanium aluminum vanadium, phủ 2 lớp: Titanium và Hydroxyapatite - Quanh viền có ≥4 đinh, đỉnh có ≥3 lỗ bắt vít - Kích cỡ: 46-62 (bước tăng 2) 3. Lớp đệm ceramic: - Vật liệu: Biolox Delta alumina zirconia composite Ceramic - Côn 18° 55' - Kích cỡ: + Size ≤39 tương ứng với ổ cối 46, 48mm và chỏm đường kính 32mm + Size ≤44 tương ứng với ổ cối 50, 52mm và chỏm đường kính 36mm + Size ≤48 tương ứng với ổ cối 54-62mm và chỏm đường kính 36mm 4. Đầu xương đùi (chỏm) ceramic: - Vật liệu: Biolox delta alumina composite ceramic - Đường kính 32mm (-4, 0, +4), đường kính 36mm (-4, 0, +4) 5. Vít ổ cối: - Vật liệu: Hợp kim titanium aluminum vanadium - Đường kính ≤5.5mm, chiều dài 20-45mm bước tăng 5mm * Tiệt trùng bằng tia Gamma * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7	Hộp/ cái	Bộ	5

Phụ lục 2

CÔNG TY:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: .....

BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 1A Lý Thường Kiệt, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Thông báo Mời chào giá số...../BVCHPHCNTPHCM của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	Tên mặt hàng mời chào giá	Tên thương mại	Quy cách đóng gói	Cấu hình kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin trúng thầu (gồm nơi trúng thầu, số QĐ...)
1											
2											
Tổng cộng: ..... đồng (Bằng chữ: ..... đồng)											

Ngày ..... tháng ....năm 2026

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế khác, phí, lệ phí; chi phí vận chuyển và các chi phí khác liên quan đến việc vận chuyển đến điểm điểm lắp đặt, chi phí kiểm định, bảo hiểm, bảo hành, bảo trì trong thời gian bảo hành và chi phí chuyển giao công nghệ (nếu có);

Thời gian giao hàng: .....ngày kể từ thời điểm gửi đơn hàng của Bệnh viện;

Địa điểm giao hàng: Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh (1A Lý Thường Kiệt, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh)

Thời hạn bảo hành: .... tháng tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu;

Chi tiết phụ kiện (nếu có);

Báo giá này có hiệu lực .....( ) ngày kể từ ngày báo giá;

Cam kết giá thấp nhất: Công ty cam kết giá cung cấp cho Bệnh viện là thấp nhất trên thị trường, trong trường hợp có giá bán thấp hơn cho đơn vị khác, công ty xin bồi hoàn giá trị phần chênh lệch;

Hàng mới 100%, sản xuất theo tiêu chuẩn ISO/FDA/CE...

Cung cấp đầy đủ giấy tờ, hồ sơ theo biên bản đính kèm.

Chân thành cảm ơn.